

“ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”



# BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG NAM Á

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 09 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 23 vào ngày 08 tháng 05 năm 2008)

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 590/GCN – UBCKNN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**NGÂN HÀNG TMCP NAM Á - NAB**

Điện thoại: (84.8) 3829 9408

**Trụ sở chính:** 97 Bis Hàm Nghi - Quận 1 – TP. HCM

Fax: (84.8) 3829 9402

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**

Điện thoại: (84.4) 3772 6868

**Trụ sở chính:** 22 Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Fax: (84.4) 3772 6131

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:** Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 3823 3923

Fax: (84.8) 3827 7380

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Võ Thị Tuyết Nga**

Điện thoại: (84.8) 3821 3658

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Fax: (84.8) 3829 9402

Tp. Hồ Chí Minh 04/2010

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 059027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 09 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 23 vào ngày 08 tháng 05 năm 2008)



NGÂN HÀNG NAM Á

## CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

<b>Tên cổ phiếu:</b>	<b>CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á</b>
<b>Loại cổ phiếu:</b>	Cổ phiếu phổ thông
<b>Mệnh giá:</b>	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng chào bán:</b>	<b>74.716.338</b> (Bảy mươi bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, ba trăm ba mươi tám) cổ phần
<b>Đối tượng chào bán:</b>	Cổ đông hiện hữu
<b>Giá chào bán:</b>	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu;
<b>Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá:</b>	<b>747.163.380.000</b> (Bảy trăm bốn mươi bảy tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn) đồng

### TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS



Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Website: [www.kls.vn](http://www.kls.vn)

Điện thoại: (84.4) 3772 6868

Fax: (84.4) 3772 6131

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:** Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM;

Điện thoại: (84.8) 3823 3923

Fax: (84.8) 3827 7380

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

#### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)



229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Website: [www.auditconsult.com.vn](http://www.auditconsult.com.vn)

Điện thoại: (84-8) 3827 2295

Fax: (84-8) 3827 2300

# MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<b>PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>- 1 -</b>
1. Rủi ro về lãi suất .....	- 1 -
2. Rủi ro về tín dụng .....	- 1 -
3. Rủi ro về ngoại hối.....	- 2 -
4. Rủi ro về thanh khoản.....	- 2 -
5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng .....	- 2 -
6. Rủi ro luật pháp .....	- 3 -
7. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu .....	- 3 -
8. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán .....	- 4 -
9. Rủi ro khác.....	- 4 -
<b>PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH - 5 -</b>	
1. Tổ chức phát hành.....	- 5 -
2. Tổ chức tư vấn .....	- 5 -
<b>PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>- 6 -</b>
<b>PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>- 8 -</b>
1. Giới thiệu chung về Ngân hàng TMCP Nam Á:.....	- 8 -
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	- 8 -
3. Quá trình tăng vốn điều lệ của NAB:.....	- 9 -
4. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Ngân hàng.....	- 12 -
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng và Cơ cấu cổ đông.....	15
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành. ....	16
7. Hoạt động kinh doanh.....	16
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất .....	37
9. Vị thế của NAB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	45
10. Chính sách đối với người lao động .....	51
11. Chính sách cổ tức.....	53
12. Tình hình tài chính.....	53
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	55
13.1 Hội đồng quản trị .....	56
13.2 Ban Tổng Giám đốc.....	61

13.3	Ban kiểm soát .....	70
13.4	Quyền Kế toán trưởng .....	74
14.	Tài sản.....	75
15.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	77
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	80
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành ( <i>thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, v.v...</i> ): .....	80
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:.....	80
<b>PHẦN V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....</b>		<b>81</b>
1.	Loại cổ phiếu: .....	81
2.	Mệnh giá: .....	81
3.	Tổng số cổ phiếu chào bán. ....	81
4.	Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu .....	81
5.	Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần;.....	81
6.	Phương pháp tính giá.....	81
7.	Phương thức phân phối: Theo phương thức thực hiện quyền.....	82
8.	Nguyên tắc thực hiện đợt chào bán:.....	82
9.	Lịch trình các bước thực hiện .....	83
10.	Phương thức thực hiện quyền: .....	84
11.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:.....	84
12.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:.....	85
13.	Các loại thuế liên quan: .....	85
14.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu .....	85
<b>PHẦN VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN .....</b>		<b>86</b>
<b>PHẦN VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>		<b>87</b>
<b>PHẦN VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....</b>		<b>88</b>
<b>PHẦN IX. PHỤ LỤC .....</b>		<b>89</b>

## **PHẦN I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

### **1. Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro về lãi suất xảy ra khi có sự biến động về lãi suất thị trường, kéo theo sự tác động trực tiếp đến thu nhập và chi phí hoạt động của ngân hàng.

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Ngân hàng TMCP Nam Á (NAB) áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở phân tích đánh giá chênh lệch về kỳ hạn, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý cụ thể, bao gồm:

- Quản lý, kinh doanh vốn tập trung;
- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, tạo sự linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với sự biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của NHNN.

### **2. Rủi ro về tín dụng**

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động của Ngân hàng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng hiện đang áp dụng một số biện pháp như sau:

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN về công tác tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn;
- Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các CBNV thực hiện công tác tín dụng;
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chính sách về quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng: quy định về phân quyền, hạn mức phê duyệt, ...;
- Xây dựng chính sách tín dụng theo hướng đa dạng hóa sản phẩm;
- Chuẩn hóa quy trình tín dụng với các quy định chặt chẽ về kiểm soát, áp dụng các mẫu biểu thống nhất trong toàn hệ thống;
- Phân loại, quản lý và xử lý các khoản nợ xấu;
- Trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

Với việc áp dụng nghiêm túc quy trình tác nghiệp, rủi ro tín dụng được NAB kiểm soát ở mức thấp với tỷ lệ nợ xấu<sup>1</sup> chiếm 1,71% tổng dư nợ, trong đó nợ nhóm 5<sup>2</sup> chiếm 0,71% (tại thời điểm 31/12/2009).

<sup>1</sup> Nợ xấu gồm các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn

<sup>2</sup> Nợ nhóm 5 là khoản Nợ có khả năng mất vốn

### **3. Rủi ro về ngoại hối**

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái làm cho giá trị của các loại “tài sản Có” và “tài sản Nợ” bằng ngoại tệ, vàng giảm đi.

Để giảm thiểu rủi ro về ngoại hối, NAB đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của NHNN;
- Quản lý trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận; quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Trong quá trình hoạt động, NAB luôn tuân thủ nghiêm túc việc quản lý rủi ro ngoại hối theo quy định của NHNN (*không duy trì trạng thái dương hoặc âm quá 30% vốn tự có của Ngân hàng*). Điều này giúp NAB kiểm soát được rủi ro về ngoại hối.

### **4. Rủi ro về thanh khoản**

Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, đề cập đến khả năng chi trả và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là khả năng ngân hàng không thể đáp ứng các nhu cầu rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất của người gửi cũng như đáp ứng các nghĩa vụ chi trả tài chính khác. Do vậy, rủi ro thanh khoản được các ngân hàng quan tâm đặc biệt. Mặc dù gặp những khó khăn rất lớn trong năm 2008 do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính, thị trường nội tệ và ngoại tệ có nhiều biến động lớn, thanh khoản khan hiếm,... nhưng NAB vẫn đảm bảo tuyệt đối an toàn thanh khoản, dự trữ bắt buộc, đáp ứng tối đa nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, NAB thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, các quỹ dự trữ đặc biệt tại NHNN, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của NHNN;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho toàn hệ thống thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng, cổ đông hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.

### **5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng**

Hầu hết các khoản bảo lãnh L/C, các khoản Ngân hàng Nam Á cam kết cho vay đều có tài sản đảm bảo. Do đó, khả năng các khoản nêu trên gây ra những biến động ảnh hưởng đến tình hình tài chính của NAB là rất thấp.

Tính đến 31/12/2009, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết của NAB là 135,8 tỷ đồng, tương đương với 2,71% tổng dư nợ của Ngân hàng.

#### **6. Rủi ro luật pháp**

Rủi ro luật pháp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Là công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, Ngân hàng luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, NHNN, Bộ tài chính, UBCKNN. Do vậy, việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Ngân hàng. Tuy nhiên, với định hướng phát triển kinh doanh ổn định, lâu dài, tình hình tài chính minh bạch, và kinh nghiệm quản trị, NAB tin tưởng vào khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi về các quy định.

#### **7. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu**

**Tổng số cổ phần chào bán:** **74.716.338** (Bảy mươi bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, ba trăm ba mươi tám) **cổ phần**

**Đối tượng chào bán:** Cổ đông hiện hữu

**Giá chào bán dự kiến:** **10.000** (Mười nghìn) **đồng/cổ phần.**

Như vậy, số lượng cổ phiếu chào bán thêm trong đợt này bằng 59,6377% lượng cổ phiếu của Ngân hàng hiện đang lưu hành trên thị trường. Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

- ❖ Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS):

Lãi chia cho cổ đông

EPS = -----

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ

- ❖ Giá trị sổ sách 1 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cp):

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

(mệnh giá 10.000 đồng/cp) Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

Trên thực tế, sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu NAB sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Ngân hàng. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

- ❖ Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu NAB trên thị trường:

Mặc dù tại thời điểm hiện nay, cổ phiếu NAB chưa niêm yết chính thức trên thị trường, tuy nhiên nhà đầu tư cũng cần lưu ý việc giá cổ phiếu có thể được điều chỉnh kỹ thuật trong phạm vi nhất định, có thể tham khảo theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

P : là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng

P<sub>t-1</sub> : là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng

I : là tỷ lệ vốn tăng

PR : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới.

### **8. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng vốn từ đợt chào bán**

Rủi ro của đợt chào bán là số lượng cổ phiếu chào bán không bán được hết. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, HĐQT NAB đã xem xét một cách cẩn trọng tất cả các yếu tố có thể ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán. Với sự hồi phục của nền kinh tế và TTCK, đối tượng chào bán là cổ đông hiện hữu và giá chào bán trong đợt tăng vốn lần này, NAB rất tin tưởng vào sự thành công của đợt chào bán.

Theo kế hoạch, số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được NAB sử dụng để đầu tư cho hoạt động kinh doanh, bao gồm việc đầu tư, mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật; đầu tư thương mại, đầu tư tài chính và phát triển các sản phẩm tín dụng.

*Các hoạt động đầu tư, trang bị TSCĐ và cân đối nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh:* về cơ bản đều nằm trong khả năng và tầm kiểm soát của Ngân hàng. Việc mở rộng mạng lưới, hiện đại hóa công nghệ và trang bị TSCĐ sẽ được thực hiện theo lộ trình đã được nghiên cứu và đánh giá chi tiết.

*Đối với hoạt động đầu tư thương mại, tài chính:* NAB thực hiện theo quy trình kiểm soát, thẩm định chặt chẽ, đảm bảo hiệu quả của khoản đầu tư, lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.

*Đối với hoạt động phát triển các sản phẩm tín dụng:* Đây là mảng hoạt động truyền thống của Ngân hàng. Với sự hồi phục của nền kinh tế, nhu cầu được hỗ trợ vốn vay từ Ngân hàng của các chủ thể trong nền kinh tế là rất lớn. Ngân hàng hoàn toàn tin tưởng vào khả năng tăng trưởng của mảng hoạt động này trong năm tới.

### **9. Rủi ro khác**

Một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, v.v... tuy ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra đều gây thiệt hại lớn về vật chất, con người và ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động chung của Ngân hàng.



**PHẦN II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ chức phát hành**

**NGÂN HÀNG TMCP NAM Á - NAB**

Ông Nguyễn Quốc Mỹ Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dậu Chức vụ: **Trưởng Ban kiểm soát**

Ông Trần Anh Tuấn Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bà Phạm Thị Thu Hồng Chức vụ: **Quyền Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2. Tổ chức tư vấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**

***Đại diện theo pháp luật:***

Ông Hà Hoài Nam Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Nam Á. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Nam Á cung cấp.

**PHẦN III. CÁC KHÁI NIỆM**

“Ngân hàng”	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á, gọi tắt là NAB;
“Cổ đông”	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của NAB;
“Cổ phần”	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
“Cổ phiếu”	Chứng chỉ do NAB phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của NAB. Cổ phiếu của NAB có thể ghi tên và không ghi tên theo quy định của Điều lệ và quy định pháp luật liên quan;
“Điều lệ”	Điều lệ của NAB đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua và được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
“Năm tài chính”	Tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm;
“Người liên quan”	Cá nhân hoặc Tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Ngân hàng mẹ và công ty con (<i>nếu có</i>);</li><li>▪ Ngân hàng và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Ngân hàng đó thông qua các cơ quan quản lý ngân hàng;</li><li>▪ Ngân hàng và những người quản lý ngân hàng;</li><li>▪ Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Ngân hàng hoặc để chi phối việc ra quyết định của Ngân hàng;</li><li>▪ Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý Ngân hàng hoặc các thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối.</li></ul>
“Vốn điều lệ”	Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của NAB.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (*nếu có*) sẽ được hiểu như quy định của Luật doanh nghiệp năm 2005, Luật chứng khoán năm 2006, Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ, và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

*Các từ hoặc nhóm từ viết tắt*

<b>BKS</b>	Ban kiểm soát
<b>CBCNV</b>	Cán bộ công nhân viên
<b>CN</b>	Chi nhánh
<b>CNTT</b>	Công nghệ thông tin
<b>DN</b>	Doanh nghiệp
<b>ĐHĐCĐ</b>	Đại hội đồng cổ đông
<b>NAB</b>	Ngân hàng TMCP Nam Á
<b>HDQT</b>	Hội đồng quản trị
<b>HĐTĐ</b>	Hội đồng tín dụng
<b>KCN</b>	Khu công nghiệp
<b>L/C</b>	Tín dụng thư ( <i>Letter of Credit</i> )
<b>NHNN</b>	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
<b>NHTM</b>	Ngân hàng thương mại
<b>NHTMCP</b>	Ngân hàng thương mại cổ phần
<b>TTS</b>	Tổng tài sản
<b>VCSH</b>	Vốn chủ sở hữu
<b>TCTD</b>	Tổ chức tín dụng
<b>TCKT</b>	Tổ chức kinh tế
<b>TNDN</b>	Thu nhập doanh nghiệp
<b>TSĐB</b>	Tài sản đảm bảo
<b>TV BKS</b>	Thành viên Ban kiểm soát
<b>VĐL</b>	Vốn điều lệ
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân
<b>UBCKNN</b>	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**PHẦN IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**1. Giới thiệu chung về Ngân hàng TMCP Nam Á:**

- Tên Ngân hàng: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á**
- Tên giao dịch: **NAM A COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (NAB)**
- Vốn điều lệ: **1.252.836.620.000 (Một nghìn hai trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi nghìn) đồng**
- Địa chỉ trụ sở chính: 97 Bis Hàm Nghi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84.8) 3829 9408 Fax: (84.8) 3829 9402
- Website: [www.nab.com.vn](http://www.nab.com.vn)
- Logo:



- Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
  - Giấy phép số 0026/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN Việt Nam
  - Quyết định số 463/CP-UB ngày 01/09/1992 của UBND Tp. Hồ Chí Minh;
  - Giấy đăng ký kinh doanh số 059027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/05/2008 (*thay đổi lần thứ 23*);
  - Hoạt động chính của Ngân hàng: Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn với các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chi tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển; Vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; Hùn vốn và liên doanh; Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng, kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động vốn từ nước ngoài và dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép; Thực hiện hoạt động bao thanh toán./.

**2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:**

Được thành lập từ tháng 10/1992, Nam Á là một trong những Ngân hàng TMCP đầu tiên được thành lập tại Việt Nam. Trải qua 17 năm hoạt động, uy tín và thương hiệu của Ngân hàng ngày càng được nâng cao.

Với định hướng của Ban lãnh đạo, mục tiêu của Nam Á là trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng trong và ngoài nước, hướng trọng tâm vào ngân hàng hiện đại và nguồn nhân lực vững mạnh. Với những bước đi và thành tựu đạt được, NAB đã và đang phấn đấu, không ngừng gia tăng nội lực, nhắm đến những mục tiêu rõ ràng, tiếp tục đạt những thành công lớn và mở ra tầm nhìn mới.

**3. Quá trình tăng vốn điều lệ của NAB:**

**Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ của NAB trong thời gian qua**

<b>Ngày</b>	<b>Vốn điều lệ (VNĐ)</b>
22/08/1992	5.000.000.000
27/02/1993	10.000.000.000
08/12/1993	20.000.000.000
27/05/1996	26.300.000.000
11/06/1996	29.430.000.000
29/12/2000	49.000.000.000
25/01/2002	57.570.000.000
12/06/2002	70.000.000.000
01/12/2004	100.214.000.000
29/12/2004	112.188.000.000
29/11/2005	150.000.000.000
01/06/2006	183.341.670.000
15/08/2006	358.677.560.000
26/12/2006	550.000.000.000
22/02/2007	575.924.740.000
30/01/2008	1.156.372.240.000
27/03/2008	1.252.836.620.000

(Nguồn: NAB)

**4. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Ngân hàng**

**Hình 1. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của NAB hiện nay**



(Nguồn: NAB)

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Do ĐHCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

HDQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Ban điều hành và các Hội đồng.

#### **Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị NAB**

- |                            |               |
|----------------------------|---------------|
| 1. Ông Nguyễn Quốc Mỹ      | Chủ Tịch HDQT |
| 2. Ông Huỳnh Thành Chung   | Ủy viên HDQT  |
| 3. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan | Ủy viên HDQT  |
| 4. Ông Phan Đình Tân       | Ủy viên HDQT  |

### **BAN KIỂM SOÁT**

Do ĐHCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng.

#### **Danh sách thành viên Ban kiểm soát NAB**

- |                        |                          |
|------------------------|--------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Dậu  | Trưởng Ban kiểm soát     |
| 2. Ông Trang Xuân Tùng | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Bà Triệu Kim Cân    | Thành viên Ban kiểm soát |

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

#### **Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc NAB**

- |                          |                   |
|--------------------------|-------------------|
| 1. Ông Trần Anh Tuấn     | Tổng Giám đốc     |
| 2. Bà Võ Thị Tuyết Nga   | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Danh Thiết | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Trần Ngọc Tâm     | Phó Tổng Giám đốc |

- |                           |                          |
|---------------------------|--------------------------|
| 5. Ông Nguyễn Bình Phương | <b>Phó Tổng Giám đốc</b> |
| 6. Ông Nguyễn Văn Hiến    | <b>Phó Tổng Giám đốc</b> |

### **CÁC HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**

#### **Hội đồng Tín dụng**

Tham mưu, giúp HĐQT trong việc thẩm định, phê duyệt các trường hợp cấp tín dụng cho khách hàng vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc và các trường hợp miễn, giảm lãi cho khách hàng của Ngân hàng Nam Á.

#### **Hội đồng Đầu tư**

Tham mưu, giúp HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc thẩm định, phê duyệt các trường hợp đầu tư vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc trong toàn hệ thống Ngân hàng Nam Á

#### **Hội đồng xử lý tài sản**

Tham vấn, đề xuất ý kiến cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc tổ chức quản lý, sử dụng, mua bán có hiệu quả các tài sản của Ngân hàng Nam Á.

#### **Hội đồng Nhân sự - Tiền lương**

Tham mưu, đề xuất ý kiến cho HĐQT trong việc quyết định chính sách nhân sự, tiền lương của Ngân hàng Nam Á.

#### **Hội đồng Thi đua - Khen thưởng**

Đề xuất, đánh giá kết quả công tác thi đua khen thưởng tại Ngân hàng Nam Á.

#### **Hội đồng xử lý kỷ luật**

Tham vấn cho HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc xử lý kỷ luật lao động theo thẩm quyền trong toàn hệ thống Ngân hàng Nam Á.

#### **Hội đồng xử lý rủi ro**

Xem xét việc trích lập dự phòng rủi ro, quyết định xử lý rủi ro theo quy định, giám sát công tác thu hồi nợ.

### **VĂN PHÒNG HĐQT**

Giúp HĐQT tổng hợp, quản trị hoạt động Ngân hàng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và chương trình, kế hoạch công tác đã được HĐQT thông qua; tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện chức năng quản trị hoạt động Ngân hàng Nam Á.

### **BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ**

Thực hiện công tác kiểm toán hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.



**5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng và Cơ cấu cổ đông**

**Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của NAB (tại thời điểm 31/12/2009)**

STT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ Số CMT	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
01	Trần Thị Hương	022242412	141 Võ Văn Tần, P6, Q.3	17.573.509	14,03
02	Lê Đình Trương	211452559	B3 Cư xá Đê Bà Láng, Bùi Đình Túy, P.24, Q.BT	16.383.438	13,08
03	Châu Huệ Đường	022180497	36 Nguyễn Văn Hưởng, P.Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM	15.947.408	12,73
04	Phan Đình Tân	023169617	27A Bàn Cờ, P.3, Q.3, TP.HCM	7.105.932	5,67
05	Nguyễn Quốc Mỹ	022111300	141 Võ Văn Tần, P6, Q.3, TP.HCM	9.831.408	7,85
06	Nguyễn Chấn	022242411	141 Võ Văn Tần, P6, Q.3, TP.HCM	6.430.610	5,13
<b>Tổng cộng (06 cổ đông)</b>				<b>73.272.305</b>	<b>58,49</b>

(Nguồn: NAB)

**Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của NAB (tại thời điểm 31/12/2009)**

Nội dung	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông Tổ chức</b>	<b>11</b>	<b>5.620.261</b>	<b>4,49</b>
<i>Trong đó</i>			
+ Trong nước	11	5.620.261	4,49
+ Ngoài nước	0	0	0
<b>Cá nhân</b>	<b>2.203</b>	<b>119.663.401</b>	<b>95,51</b>
<i>Trong đó</i>			

<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ phần sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
+ Trong nước	2.203	119.663.401	95,51
+ Ngoài nước	0	0	0
<b>Tổng số</b>	<b>2.214</b>	<b>125.283.662</b>	<b>100</b>

(Nguồn: NAB)

**6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.**

- **Công ty mẹ/nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối với NAB:** Không có
- **Công ty con do NAB nắm giữ cổ phần chi phối:**
  - Tên Công ty: **Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản**
  - Trụ sở chính: 97 Bis Hàm Nghi - Quận 1 – TP. HCM
  - Điện thoại: (84.8) 39146426 Fax: (84.8) 39146425
  - Giấy CNĐKKD: số 4104000202 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 01/11/2006 và theo Quyết định số 288/QĐ-NHNN ngày 23/02/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận Ngân hàng TMCP Nam Á thành lập Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản.
  - Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
  - Số cổ phần nắm giữ: NAB nắm giữ 1.000.000 cổ phần, tương đương với góp 10 tỷ đồng, chiếm 100 % Vốn điều lệ.
  - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
    - 🚦 Tiếp nhận, quản lý và thực hiện các hoạt động mua bán các khoản nợ tồn đọng và tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố; tài sản gán nợ; tài sản Tòa án giao Ngân hàng) của TCTD liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn.
    - 🚦 Trực tiếp thực hiện các hoạt động mua bán nợ tồn đọng của các TCTD khác, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của NH TM khác theo quy định của pháp luật.
    - 🚦 Tư vấn BĐS, đầu giá BĐS, môi giới BĐS, định giá BĐS, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán).
    - 🚦 Và một số hoạt động kinh doanh khác.

**7. Hoạt động kinh doanh**

### 7.1 Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động với vai trò của ngân hàng bán lẻ, sản phẩm, dịch vụ của NAB được thiết kế và cung ứng phù hợp với nhu cầu của khách hàng cá nhân cũng như doanh nghiệp. Nhìn tổng thể, NAB hiện đang hoạt động với 03 mảng chính: Huy động vốn, Sử dụng vốn và Kinh doanh ngoại hối.

#### a) Huy động vốn

Tương tự như các NHTM Việt Nam khác, huy động vốn là hoạt động truyền thống của NAB. Hoạt động huy động vốn của NAB được phân loại và quản lý theo nhóm khách hàng, theo thời hạn gửi và theo loại tiền huy động.

Trong giai đoạn từ năm 2007 đến nay, nguồn vốn huy động của NAB có sự tăng trưởng mạnh. Với hệ thống mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng, lãi suất huy động được điều chỉnh hợp lý, kịp thời và phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động của NAB rất khả quan.

Năm 2008, tổng nguồn vốn huy động của NAB đạt 4.494.304 triệu đồng, tăng 0,24% so với đầu năm. Trong đó, nguồn vốn huy động từ tiền gửi của khách hàng đạt 3.419.572 triệu đồng, tăng 21,63% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 76,09% trên tổng nguồn vốn huy động. Bước sang năm 2009, với sự nỗ lực vượt bậc, số dư tiền gửi tại NAB đạt hơn 9,4 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 2 lần so với cuối năm 2008. Kết quả này thể hiện niềm tin của khách hàng đối với thương hiệu NAB.

**Bảng 4. Cơ cấu vốn huy động của NAB phân theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền vay NHNN	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD trong nước	1.640.000	36,58	1.060.000	23,59	3.379.961	35,79
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	32.104	0,72	14.732	0,33	10.043	0,11

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Phát hành giấy tờ có giá khác <sup>3</sup>	0,20	0,0004	0,20	0,0004	1.549.010	16,40
Tiền gửi của khách hàng	2.811.549	62,70	3.419.572	76,08	4.505.105	47,70
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.483.653</b>	<b>100,00</b>	<b>4.494.304</b>	<b>100,00</b>	<b>9.444.119</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và 2009)

**Bảng 5. Cơ cấu vốn huy động của NAB phân theo đối tượng huy động (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền vay NHNN	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi, tiền vay từ các TCTD trong nước	1.640.000	36,66	1.060.000	23,62	3.405.061	35,98
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	32.104	0,72	14.732	0,33	10.043	0,10
Phát hành giấy tờ có giá khác <sup>4</sup>	0,20	0,0004	0,20	0,0004	1.549.010	16,37
Tiền gửi của khách hàng	2.801.850	62,63	3.413.137	76,05	4.500.524	47,55
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.473.954</b>	<b>100</b>	<b>4.487.869</b>	<b>100</b>	<b>9.464.638</b>	<b>100</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008 và năm 2009)

Xét theo nhóm khách hàng, hoạt động huy động vốn của NAB được triển khai qua 02 nhóm

<sup>3</sup> Giấy tờ có giá khác của NH phát hành là các chứng chỉ gửi vàng có kỳ hạn dưới 1 năm và từ 1 đến 5 năm

<sup>4</sup> Giấy tờ có giá khác của NH phát hành là các chứng chỉ gửi vàng có kỳ hạn dưới 1 năm và từ 1 đến 5 năm

khách hàng chính: nhóm khách hàng cá nhân và các tổ chức kinh tế.

*Đối với nhóm khách hàng cá nhân:* sản phẩm huy động vốn của NAB được thiết kế đa dạng. Trong đó, tiêu biểu là các sản phẩm áp dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân như tiền gửi thanh toán không kỳ hạn, các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm theo các kỳ hạn, tiết kiệm bậc thang,...

*Đối với nhóm khách hàng là các tổ chức kinh tế:* bên cạnh việc đáp ứng hoạt động thanh toán liên ngân hàng, NAB cũng thực hiện hoạt động kinh doanh tiền tệ trên thị trường này tương đối hiệu quả.

Bên cạnh đó, NAB cũng rất chú trọng đến việc PR, quảng cáo và xúc tiến trong hoạt động thu hút tiền gửi. Ví dụ điển hình là các chương trình khuyến mại tiết kiệm dự thưởng “*Quà tặng trao ngay, cơ may vàng ký*”, thời gian từ ngày 10/08/2009 đến ngày 07/11/2009, dành cho khách hàng cá nhân gửi tiết kiệm định kỳ bằng VND; hình thức khuyến mại tặng ngay và quay số trúng thưởng cuối chương trình. Những chương trình này đã mang lại kết quả rất khả quan trong việc huy động nguồn vốn nhân rộng từ dân cư, đóng góp đáng kể vào kết quả huy động vốn trong năm 2009 của Ngân hàng.

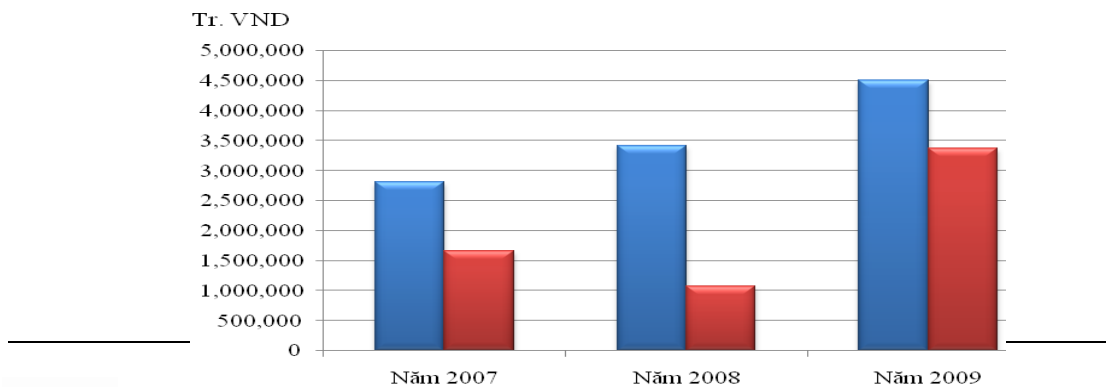
**Bảng 6. Phân loại tiền gửi khách hàng của NAB theo đối tượng huy động (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	%Tăng/giảm so với 2006	31/12/2008	%Tăng/giảm so với 2007	31/12/2009	%Tăng/giảm so với 2008
Tiền gửi của cá nhân và TCKT	2.811.549	48,39	3.419.572	21,63	4.505.105	31,74
Tiền gửi của các TCTD	1.640.000	51,59	1.060.000	(35,37)	3.379.961	218,86
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.451.549</b>	<b>49,55</b>	<b>4.479.572</b>	<b>0,629</b>	<b>7.885.066</b>	<b>76,02</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Hình 2. Cơ cấu tiền gửi khách hàng theo đối tượng huy động**



**Bảng 7. Phân loại tiền gửi khách hàng của NAB theo đối tượng huy động (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	%Tăng/giảm m so với 2006	31/12/2008	%Tăng/giảm m so với 2007	31/12/2009	%Tăng/giảm m so với 2008
Tiền gửi của cá nhân và TCKT	2.801.850	47,87	3.413.137	21,82	4.500.524	31,86
Tiền gửi của các TCTD	1.640.000	51,59	1.060.000	(35,37)	3.405.061	221,23
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.441.850</b>	<b>49,22</b>	<b>4.473.137</b>	<b>0,70</b>	<b>7.905.585</b>	<b>76,73</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008 và năm 2009)

Xét theo thời hạn huy động tiền gửi của khách hàng, NAB huy động nguồn vốn tương đối đa dạng và linh hoạt. Trong năm 2007, huy động ngắn hạn từ 12 tháng trở xuống chiếm tỷ trọng 81,94%, trung hạn chiếm 18,06% trong tổng huy động. Trong năm 2008, huy động ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu đạt 98,79%, còn lại là kỳ hạn trung và dài hạn chiếm 1,21% trong tổng huy động<sup>5</sup>. Trong năm 2009, vốn huy động trên thị trường 1 đạt 6.054 tỷ đồng, tăng 77,04% so với năm 2008 và chiếm tỷ trọng 64,10% trên tổng nguồn vốn huy động<sup>6</sup>. Vốn huy động trên thị trường liên ngân hàng là 3.390 tỷ đồng, tăng 215,43% so với đầu năm. Cơ cấu kỳ hạn huy động vốn được NAB điều chỉnh phù hợp theo kế hoạch sử dụng vốn<sup>7</sup>.

**Bảng 8. Phân loại tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn huy động giai đoạn 2007 – 2009 (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
----------	------------	------------	------------

<sup>5</sup> NAB, Báo cáo thường niên 2007, 2008

<sup>6, 7</sup> NAB, Báo cáo thường niên 2009

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi không kỳ hạn	244.556	8,7	99.098	2,90	135.284	3,00
Tiền gửi có kỳ hạn	2.556.005	90,91	3.304.542	96,64	4.324.764	96,00
Tiền gửi vốn chuyên dùng	677	0,02	1.126	0,03	1.010	0,02
Tiền gửi ký quỹ	10.311	0,37	14.806	0,43	44.047	0,98
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.811.549</b>	<b>100</b>	<b>3.419.572</b>	<b>100</b>	<b>4.505.105</b>	<b>100</b>

(Nguồn: NAB)

**Bảng 9. Phân loại tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn huy động giai đoạn 2007 –2009 (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi không kỳ hạn	234.857	8,38	92.663	2,71	130.703	2,90
Tiền gửi có kỳ hạn	2.556.005	91,23	3.304.542	96,82	4.324.764	96,09
Tiền gửi vốn chuyên dùng	677	0,02	1.126	0,03	1.010	0,02
Tiền gửi ký quỹ	10.311	0,37	14.806	0,43	44.047	0,98
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.801.850</b>	<b>100</b>	<b>3.413.137</b>	<b>100</b>	<b>4.500.524</b>	<b>100</b>

(Nguồn: NAB)

**b) Sử dụng vốn**

**Hoạt động tín dụng**

Theo đặc thù của ngành ngân hàng Việt Nam, tín dụng là mảng hoạt động đem lại lợi nhuận chủ

yếu của các NHTM. Để thuận lợi trong công tác quản lý và hoạch định chiến lược phát triển, các sản phẩm tín dụng của NAB được phân loại và quản lý theo thời hạn, đối tượng vay và mục đích của khoản vay theo quy định chung của Ngân hàng Nhà nước. Tổng sử dụng vốn kinh doanh của NAB tính đến 31/12/2008 đạt 5.280,08 tỷ đồng, tăng 8,53% so với đầu năm. Trong đó đầu tư vào tín dụng của NAB chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 3.749,65 tỷ đồng, tăng 38,94% so với đầu năm, thực hiện vượt 107,14% kế hoạch năm 2008<sup>8</sup>. Trong năm 2009, tổng vốn sử dụng của Ngân hàng đạt 9.912 tỷ đồng, tăng 87,74% so với năm 2008. Tương tự như năm 2008, hoạt động tín dụng năm 2009 chiếm tỷ trọng chủ yếu với 5.013 tỷ đồng, tăng 33,69% so với đầu năm. Trong đó, cơ cấu dư nợ được điều chỉnh phù hợp với mục tiêu hoạt động của Ngân hàng và đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng. Dư nợ cho vay khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn (54,10%), tăng 41,80% so với năm 2008, dư nợ cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 2.299 tỷ đồng, tăng 25,23% so với đầu năm<sup>9</sup>.

#### Cơ cấu dư nợ tín dụng theo thời hạn vay

Mặc dù, trong năm 2009 thị trường tài chính – tiền tệ gặp không ít khó khăn nhưng NAB vẫn duy trì được sự tăng trưởng tín dụng khá mạnh (tăng 33,7% so với cuối năm 2008). Ngoài việc triển khai các sản phẩm tín dụng theo nhu cầu của khách hàng, việc cân đối thời hạn giữa vốn huy động và dư nợ tín dụng luôn được NAB chú trọng, nhằm đảm bảo sự an toàn và tính thanh khoản trong hoạt động kinh doanh. Trong vòng 03 năm trở lại đây, hoạt động tín dụng của NAB đang dần chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng cho vay ngắn hạn, tăng tỷ trọng cho vay trung và dài hạn. Chi tiết cụ thể được thể hiện trong bảng dưới đây.

**Bảng 10. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo thời hạn vay của NAB (Ngân hàng mẹ)<sup>10</sup>**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Dư nợ tín dụng</b>	<b>2.698.695</b>	<b>100</b>	<b>3.749.653</b>	<b>100</b>	<b>5.012.922</b>	<b>100</b>
<i>Ngắn hạn</i>	1.670.935	61,91	2.219.249	59,19	2.743.230	54,72
<i>Trung hạn</i>	898.589	33,30	1.118.265	29,82	1.605.703	32,03

<sup>8</sup> NAB, Báo cáo thường niên 2008

<sup>9</sup> NAB, Báo cáo thường niên 2009

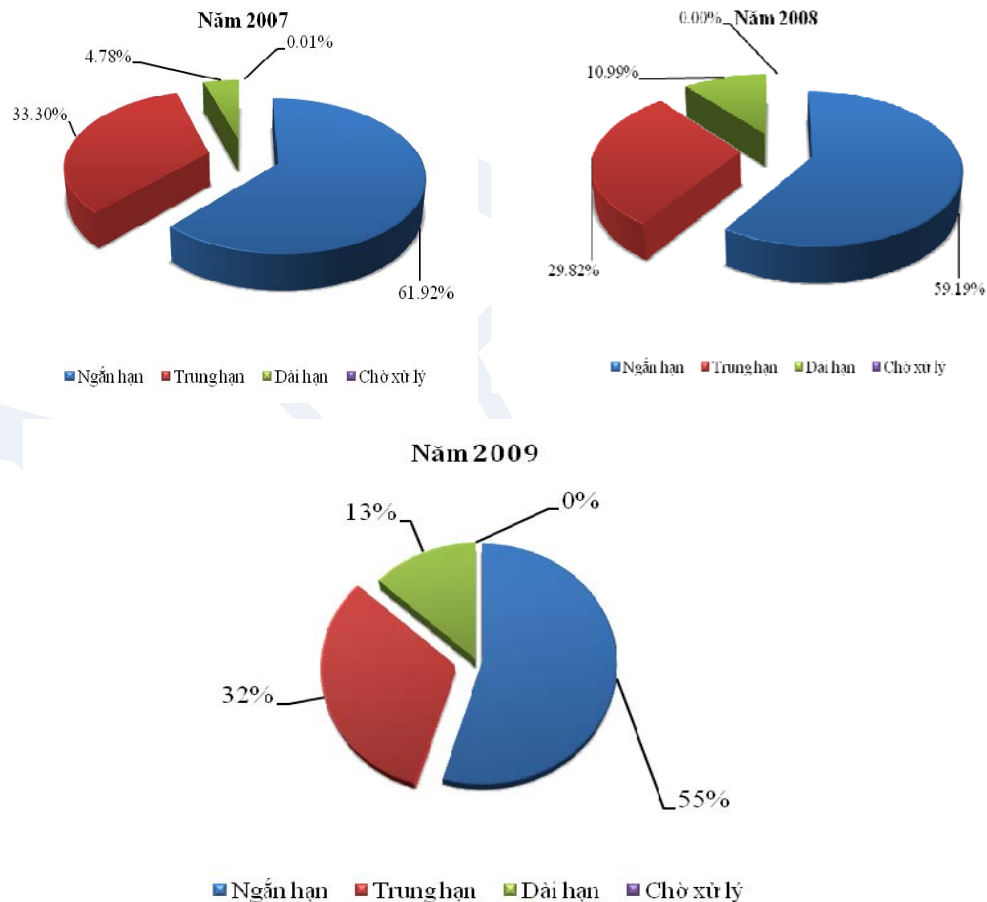
<sup>10</sup> Số liệu về dư nợ cho vay của NAB tại BCTC của Ngân hàng không có sự thay đổi so với BCTC hợp nhất



Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Dài hạn	128.976	4,78	412.097	10,99	663.989	13,25
Chờ xử lý	196	0,01	42	0,00	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Hình 3. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo thời hạn vay giai đoạn 2007 – 2009**



*Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế*

Phân theo loại hình kinh tế, nhìn chung các khoản vay có liên quan đến hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng vẫn chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng cơ cấu dư nợ của NAB. Các ngành nghề khác có sự

thay đổi về tỷ trọng, tuy nhiên mức độ thay đổi không đáng kể.

**Bảng 11. Cơ cấu dư nợ tín dụng theo ngành kinh tế của NAB (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

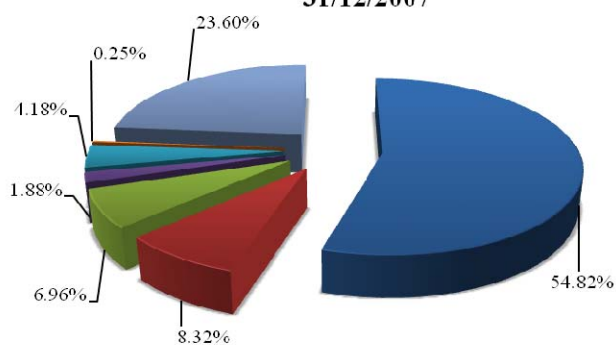
Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	1.479.437	54,81	1.954.673	52,13	2.862.100	57,10
Xây dựng	224.416	8,32	641.168	17,10	816.756	16,29
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ	187.860	6,96	211.304	5,64	313.438	6,25
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	50.730	1,88	53.304	1,42	63.323	1,27
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	112.704	4,18	108.494	2,89	56.317	1,12
Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước	6.668	0,25	9.050	0,24	5.575	0,11
Khác	636.880	23,60	771.660	20,58	895.413	17,86
<b>Tổng</b>	<b>2.698.695</b>	<b>100,00</b>	<b>3.749.653</b>	<b>100,00</b>	<b>5.012.922</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Hình 4. Dư nợ tín dụng phân theo ngành kinh tế giai đoạn 2007 – 2009**

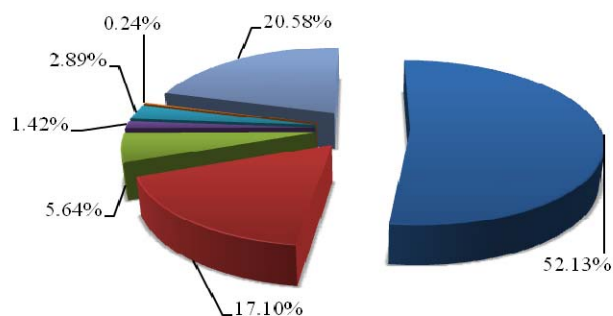
(Ngân hàng mẹ)

**31/12/2007**



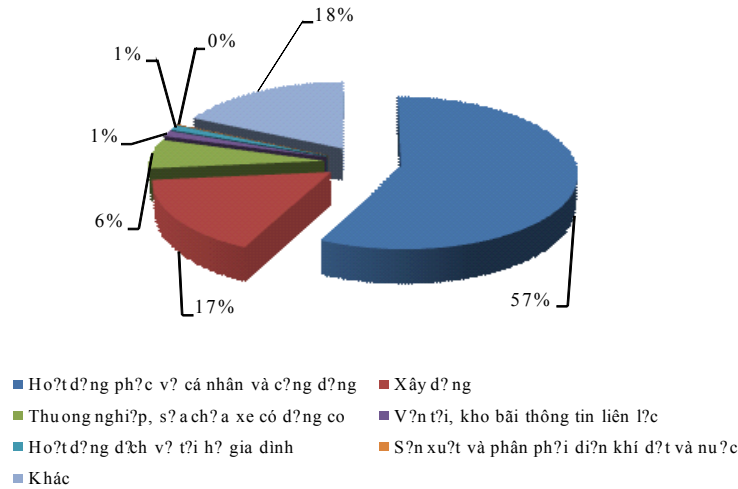
- Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng
- Xây dựng
- Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ
- Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc
- Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình
- Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước
- Khác

**31/12/2008**



- Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng
- Xây dựng
- Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ
- Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc
- Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình
- Sản xuất và phân phối điện khí đốt và nước
- Khác

**Nam 2009**



(Nguồn: NAB)

**Cơ cấu dư nợ tín dụng theo đối tượng khách hàng vay**

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của NAB tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

**Đối với nhóm khách hàng cá nhân:** Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, dư nợ tín dụng đối với hoạt động cho vay cá nhân luôn chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng dư nợ của Ngân hàng (chiếm trên 51% trong năm 2008 và trên 54% trong năm 2009). Với mục tiêu đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, NAB đa dạng hóa các hình thức tín dụng cá nhân, bao gồm: Cho vay xây dựng, sửa chữa nhà, mua nhà và nền nhà, cho vay tiêu dùng, cho vay sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cho vay chiết khấu, cầm cố sổ tiết kiệm và giấy tờ có giá, cho vay hỗ trợ du học, cho vay trả góp mua xe, v.v...

**Đối với khách hàng doanh nghiệp:** NAB đặc biệt chú trọng vào các Công ty TNHH - loại hình doanh nghiệp phát triển khá mạnh trong thời gian gần đây (tỷ trọng cho vay trên 28% tổng dư nợ), kế tiếp là đối tượng cho vay thuộc nhóm khách hàng là công ty cổ phần (tỷ trọng cho vay trên 10% tổng dư nợ).

**Bảng 12. Cơ cấu dư nợ phân theo đối tượng khách hàng vay của NAB (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
----------	------------	------------	------------

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Cá nhân	1.525.898	56,53	1.929.626	51,46	2.713.494	54,14
Công ty TNHH	681.031	25,24	1.095.408	29,21	1.415.118	28,23
Công ty cổ phần	274.890	10,19	471.832	12,58	578.137	11,53
Kinh tế tập thể	5.000	0,19	6.500	0,17	3.497	0,07
Doanh nghiệp Nhà nước	1.008	0,04	871	0,02	3.095	0,06
Doanh nghiệp tư nhân	190.050	7,04	235.903	6,29	188.228	3,75
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	20.818	0,77	9.513	0,25	110.703	2,21
Công ty hợp doanh	-	-	-	-	650	0,01
<b>Tổng</b>	<b>2.698.695</b>	<b>100,00</b>	<b>3.749.653</b>	<b>100,00</b>	<b>5.012.922</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009 của NAB)

*Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng*

Song song với việc đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng dư nợ, NAB thường xuyên chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng của các khoản vay để đảm bảo an toàn hiệu quả trong hoạt động tín dụng. Chất lượng tín dụng của NAB được đảm bảo trong giới hạn an toàn cho phép. Nợ đủ tiêu chuẩn đạt tỷ lệ cao và duy trì trong nhiều năm nay (trung bình đạt trên 94% tổng dư nợ của ngân hàng). Các khoản nợ từ nhóm 2 – 5 được hạn chế ở mức thấp.

**Bảng 13. Cơ cấu dư nợ theo chất lượng tín dụng của NAB (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nhóm 1	2.603.569	96,47	3.572.413	95,27	4.756.454	94,88
Nhóm 2	50.768	1,88	81.375	2,17	170.617	3,40
Nhóm 3	10.395	0,39	35.606	0,95	31.349	0,63
Nhóm 4	6.131	0,23	35.395	0,95	18.887	0,38
Nhóm 5	27.636	1,02	24.822	0,66	35.615	0,71
Nợ chờ xử lý	196	0,01	42	0,00	0	0,00

<b>Tổng cộng</b>	<b>2.698.695</b>	<b>100,00</b>	<b>3.749.653</b>	<b>100,00</b>	<b>5.012.922</b>	<b>100,00</b>
------------------	------------------	---------------	------------------	---------------	------------------	---------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Hoạt động liên kết và Đầu tư tài chính**

Nhằm sử dụng nguồn vốn huy động có hiệu quả, NAB đã tham gia hoạt động liên kết và đầu tư tài chính. Cùng với việc đầu tư vào các loại trái phiếu chính phủ, NAB đã tích cực tìm kiếm cơ hội đầu tư tại các tổ chức tài chính cũng như các tổ chức kinh tế khác. Tính đến cuối năm 2009, các khoản góp vốn, mua cổ phần và đầu tư chứng khoán của Ngân hàng đạt 999.738 triệu đồng, tăng 372% so với cuối năm 2008.

**Bảng 14. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	109.790	91,65	110.392	52,11	896.135	89,64
Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	10.000	8,35	101.436	47,89	103.603	10,36
<b>Tổng cộng</b>	<b>119.790</b>	<b>100,00</b>	<b>211.828</b>	<b>100,00</b>	<b>999.738</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Bảng 15. Hoạt động liên kết và đầu tư tài chính (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007		31/12/2008		31/12/2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tổng đầu tư chứng khoán	109.790	100	110.392	54,70	896.135	90,54
Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	0	0	91.436	45,30	93.603	9,46
<b>Tổng cộng</b>	<b>109.790</b>	<b>100,00</b>	<b>201.828</b>	<b>100,00</b>	<b>989.738</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008 và năm 2009)

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2008, tại ngày 31/12/2008, tổng giá trị các khoản “đầu tư dài hạn khác” do NAB nắm giữ là 91.436 triệu đồng, tương đương **1,55% tổng tài sản** của NAB tại thời điểm này. Về bản chất, đây là khoản đầu tư dài hạn của NAB vào 03 doanh nghiệp chưa niêm yết. Trong nghiệp vụ hạch toán và đánh giá rủi ro từ hoạt động đầu tư, NAB luôn đảm bảo việc tuân thủ theo đúng quy định. Theo đó, kết quả kinh doanh năm 2008 đã phản ánh đúng thực tế hoạt động của Ngân hàng thời điểm này.

Theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2009 (đã được đơn vị **kiểm toán chấp thuận toàn bộ**), tại ngày 31/12/2009, “giá trị khoản đầu tư dài hạn khác” do NAB nắm giữ là **93.603 triệu đồng** (là khoản đầu tư dài hạn của NAB vào 03 Doanh nghiệp chưa niêm yết như đã nêu ở trên), Ngân hàng đã thực hiện việc phân loại, trích lập dự phòng (nếu có) theo đúng các quy định hiện hành.

### Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Hoạt động kinh doanh ngoại hối của NAB chủ yếu phục vụ nhu cầu thanh toán quốc tế và điều hòa trạng thái ngoại tệ. Trong năm 2008, NAB đã phát triển mạnh trong lĩnh vực kinh doanh ngoại hối: triển khai thành công nghiệp vụ kinh doanh vàng trên tài khoản, trang bị cơ sở vật chất và hiện đại hóa công nghệ thông tin để đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh ngoại hối trong năm 2009.

Trong năm 2008, tuy ảnh hưởng mạnh bởi tình hình biến động của giá vàng và tỷ giá đồng đô la trong thời gian qua đã gây ra không ít khó khăn và tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc kinh doanh ngoại hối nhưng Ngân hàng đã thu lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối là 7,5 tỷ đồng, tăng 294,74% so với năm 2007. Năm 2009 là một năm khó khăn trong việc kinh doanh tỷ giá hối đoái do chính sách tỷ giá thay đổi thường xuyên và điều này khiến cho các ngân hàng gặp nhiều rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại hối và NAB cũng không là ngoại lệ, Ngân hàng ghi nhận mức lợi nhuận là (14.400) triệu đồng.

**Bảng 16. Hoạt động kinh doanh ngoại hối**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Doanh thu kinh doanh ngoại hối	2.109	14.193	23.717
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối	178	6.682	38.117
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	1.931	7.511	(14.400)

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

### Hoạt động thanh toán trong nước và ngân quỹ

Năm 2009, NAB tiếp tục phát triển các sản phẩm dịch vụ thanh toán trong nước và ngân quỹ như chuyển tiền thanh toán, thu – chi hộ, chi lương qua tài khoản, cất giữ hộ chứng từ có giá, tiền, kim loại quý kiểm và đếm hộ VND, USD, vàng; thu chi tiền mặt tại nơi khách hàng yêu cầu, vận chuyển tiền theo yêu cầu của khách hàng trong địa bàn TP.Hồ Chí Minh,... đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng của đội ngũ nhân viên trên toàn hệ thống.

Tính đến thời điểm cuối năm 2009, NAB đã tham gia đầy đủ các kênh thanh toán trong nước như: Thanh toán điện tử liên ngân hàng, Thanh toán bù trừ do NHNN tổ chức. Bên cạnh đó, việc nghiên cứu và phát triển hệ thống các ngân hàng đại lý trên phạm vi cả nước của Ngân hàng TMCP Nam Á đã góp phần nâng cao tính chính xác, an toàn và quan trọng hơn là giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý các lệnh thanh toán.

### **Hoạt động thanh toán quốc tế**

Từ khi thành lập đến nay, NAB đã thiết lập quan hệ đại lý với gần 200 ngân hàng ở khắp quốc gia trên khắp thế giới. Với mạng lưới ngày càng được mở rộng, hoạt động thanh toán quốc tế của NAB đang ngày càng phát triển.

Năm 2009, do nguồn cung ngoại tệ gặp khó khăn và sự biến động mạnh của tỷ giá, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu của NAB đạt 36 triệu USD, giảm 54,40%. Tuy nhiên, tổng thu phí dịch vụ thanh toán quốc tế đạt 4.598 triệu đồng, tăng 89,9% so với năm 2008<sup>11</sup>. Ngoài ra, NAB cũng mở rộng quan hệ đại lý với 248 ngân hàng nước ngoài tại 59 quốc gia trên thế giới.

## **7.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**

Với đặc thù hoạt động của ngành ngân hàng, hoạt động quản lý rủi ro và bảo toàn vốn được đặc biệt coi trọng tại NAB. Cùng với việc nâng cao trình độ, ý thức của nhân viên, quy trình nghiệp vụ tại Ngân hàng được xây dựng, triển khai thực hiện và giám sát một cách chặt chẽ. Bên cạnh đó, NAB còn thành lập Hội đồng xử lý rủi ro nhằm giám sát toàn diện các hoạt động của Ngân hàng một cách hiệu quả.

Trong hoạt động của mình, NAB phải đối mặt như rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động ngoại bảng, rủi ro công nghệ và hoạt động, rủi ro quốc gia và rủi ro khác. Hiện nay, NAB định hướng tập trung quản lý các loại rủi ro chính: Rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối, rủi ro tác nghiệp và rủi ro thanh khoản.

### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng như khách hàng mất khả năng thanh toán hoặc không thanh toán đúng hạn gốc và lãi các khoản vay tại NAB. Để quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng NAB đã thiết lập và thực hiện các chính sách tín dụng với nhiều công cụ nhằm tối thiểu hóa rủi ro, như:

- Tuân thủ các quy định của NHNN về công tác quản lý tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn;
- Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các

---

<sup>11</sup> NAB, Báo cáo thường niên 2009



CBCNV thực hiện công tác tín dụng;

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chính sách về quản trị rủi ro, đặc biệt là quản lý rủi ro tín dụng: quy định về phân quyền, hạn mức phê duyệt, ....;
- Xây dựng chính sách tín dụng theo hướng đa dạng hóa sản phẩm;
- Chuẩn hóa quy trình tín dụng với các quy định chặt chẽ về kiểm soát, áp dụng các biểu mẫu thống nhất trong hệ thống;
- Phân loại, quản lý và xử lý khoản nợ xấu;
- Trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

Với những quy chế, quy trình, quy định và các chính sách đang áp dụng, NAB hoàn toàn có thể kiểm soát được và hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro tín dụng có thể xảy ra.

#### ***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự thay đổi lãi suất thị trường làm tác động đến thu nhập và chi phí hoạt động của ngân hàng do sự chênh lệch giữa kỳ hạn của nguồn vốn huy động với việc sử dụng nguồn vốn huy động hoặc do sự khác biệt giữa các loại lãi suất (lãi suất cố định, lãi suất thả nổi).

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng các báo cáo chênh lệch thời gian đáo hạn và xác định lãi suất phân bổ theo nhiều dãy kỳ hạn. Việc quản lý rủi ro lãi suất được thực hiện thông qua phân tích tỷ số giữa tài sản nhạy cảm lãi suất với nguồn vốn nhạy cảm lãi suất ở các trạng thái VND, USD, EUR, vàng,....

#### ***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, NAB đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản bảo hiểm tiền gửi theo quy định của NHNN;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho toàn hệ thống thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao và có thể chuyển đổi thành tiền mặt đảm bảo yêu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng, cổ đông hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.

Đối với rủi ro tác nghiệp, NAB tập trung đào tạo, xây dựng đội ngũ CBCNV có chuyên môn

nghiệp vụ cao, đồng thời hoàn thiện các quy trình cho từng nghiệp vụ của Ngân hàng.

### **7.3 Thị trường hoạt động**

#### ***Mạng lưới chi nhánh***

Các điểm giao dịch của NAB được triển khai và hoạt động tập trung tại các tỉnh thành lớn như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Bình Phước, Bình Dương,... Tính đến 31/12/2009, mạng lưới hoạt động của NAB bao gồm 1 Trụ sở chính, 12 Chi nhánh, và 36 Phòng giao dịch.

**Bảng 17. Danh sách các điểm giao dịch của NAB tính đến 31/12/2009**

<b><u>KHU VỰC MIỀN BẮC</u></b>	<b><u>KHU VỰC MIỀN NAM</u></b>
<b>Chi nhánh Hà Nội</b>	<b>Trụ sở chính</b>
Phòng Giao Dịch Giảng Võ	<b>Chi Nhánh Tân Định</b>
Phòng Giao Dịch Đồng Tâm	Phòng Giao Dịch Bến Thành
Phòng Giao Dịch Đông Đô	Phòng Giao Dịch Hòa Hưng
Phòng Giao Dịch Đồng Xuân	Phòng Giao Dịch Quận 4
Phòng Giao Dịch Thăng Long	<b>Chi Nhánh An Đông</b>
Phòng Giao Dịch Hà Đông	Phòng Giao Dịch Rạch Ông
	Phòng Giao Dịch Cao Thắng
	Phòng Giao Dịch Cộng Hòa
	Phòng Giao Dịch Hòa Bình
	<b>Chi Nhánh Thị Nghè</b>
	Phòng Giao Dịch Văn Thánh
	Phòng Giao Dịch Gò Vấp
	Phòng Giao Dịch Bà Chiểu
	Phòng Giao Dịch Quận 2
<b><u>KHU VỰC MIỀN TRUNG</u></b>	<b>Chi nhánh Bình Tây</b>
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	Phòng Giao Dịch Tân Phú
<b>Chi nhánh Quy Nhơn</b>	Phòng Giao Dịch Bình Chánh
Phòng Giao Dịch Chợ Lớn	<b>Chi nhánh Ngã Bảy</b>
Phòng Giao Dịch An Nhơn	Phòng Giao Dịch Tân Bình
Phòng Giao Dịch Bồng Sơn	Phòng Giao Dịch Phú Thọ
<b>Chi nhánh Nha Trang</b>	Phòng Giao Dịch Âu Cơ
Phòng Giao Dịch Vạn Ninh	
Phòng Giao Dịch Chợ Đầm	
Phòng Giao Dịch Bình Tân	
Phòng Giao Dịch Cầu Dứa	

Phòng Giao Dịch Ninh Hòa	<b>Chi Nhánh Quang Trung</b> Phòng Giao Dịch Trường Chinh Phòng Giao Dịch Khánh Hội Phòng Giao Dịch Xóm Mới Phòng Giao Dịch Hóc Môn <b>Chi Nhánh Thủ Đức</b> Phòng Giao Dịch Bình Dương <b>Chi Nhánh Bình Phước</b> Phòng Giao Dịch Phước Bình
--------------------------	--

(Nguồn: NAB)

### **Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng**

Thị trường bán lẻ là thị trường NAB hiện đang hướng tới để cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Trong đó, cá nhân và doanh nghiệp ngoài quốc doanh là 02 nhóm khách hàng mục tiêu của Ngân hàng.

*Cá nhân:* bao gồm những cá nhân, hộ gia đình có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, v.v..).

*Doanh nghiệp:* Các doanh nghiệp có lịch sử hoạt động hiệu quả, chủ yếu thuộc các nhóm ngành kinh tế phục vụ cộng đồng, cung cấp dịch vụ, thương mại, xây dựng, sản xuất kinh doanh, v.v...

### **7.4 Sản phẩm/Dịch vụ cung ứng**

Ngân hàng Nam Á đã và đang triển khai các sản phẩm dịch vụ:

#### **Sản phẩm tiền gửi**

- **Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp:** là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn/không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua ngân hàng Nam Á, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, vàng.
- **Tiết kiệm không kỳ hạn:** là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất cứ lúc nào, đồng thời nhận tiền chuyển khoản từ nơi khác chuyển đến, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD.
- **Tiết kiệm có kỳ hạn:** là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng có mục đích chủ yếu là hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, Vàng và VND bảo đảm theo giá trị vàng.
- **Tiết kiệm rút vốn linh hoạt:** là loại hình tiết kiệm nhằm tạo điều kiện để khách hàng có

thể linh hoạt sử dụng vốn tiền gửi của mình một cách hợp lý mà vẫn được hưởng một mức lãi suất cao.

**Sản phẩm cho vay**

- **Cho vay sản xuất kinh doanh – cá nhân và doanh nghiệp:** tài trợ vốn cho khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ. Các hình thức cho vay bao gồm: cho vay thực hiện dự án đầu tư, bổ sung vốn lưu động, cho vay tài trợ xuất nhập khẩu, cho vay hợp vốn.
- **Cho vay thấu chi:** tài trợ vốn cho khách hàng nhằm bổ sung phần vốn thiếu hụt khi Tài khoản của khách hàng mở tại NAB không đủ số dư cần thiết để thanh toán.
- **Cho vay tiêu dùng:** tài trợ vốn cho khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn sinh hoạt tiêu dùng như mua sắm vật dụng gia đình, đóng học phí, du lịch, cưới hỏi, chữa bệnh....
- **Cho vay bất động sản:** tài trợ vốn cho khách hàng nhằm bổ sung nguồn vốn thiếu hụt trong xây dựng; sửa chữa nâng cấp nhà; thanh toán tiền mua bất động sản.
- **Cho vay mua xe:** tài trợ vốn cho khách hàng khi khách hàng thiếu hụt vốn khi mua xe ô tô nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại cá nhân hay kinh doanh.
- **Cho vay đi làm việc ở nước ngoài:** tài trợ vốn nhằm hỗ trợ khách hàng có nhu cầu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài nhưng không đủ tiền để trang trải chi phí mua vé máy bay, visa, chi phí đào tạo.
- **Cho vay cầm cố sổ tiết kiệm:** tài trợ vốn cho các khách hàng có số dư tiết kiệm, sổ tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi tại NAB nhằm mục đích kinh doanh hoặc tiêu dùng hợp pháp.
- **Cho vay nông nghiệp:** tài trợ khách hàng ở khu vực nông thôn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề, kinh doanh hàng hóa và dịch vụ.
- **Cho vay chứng khoán:** cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư chứng khoán, cho vay để kinh doanh chứng khoán với tài sản đảm bảo là chứng khoán niêm yết.
- **Cho vay cán bộ - công nhân viên NAB:** tài trợ vốn cho cán bộ- công nhân viên NAB dưới hình thức vay tín chấp nhằm phục vụ sinh hoạt tiêu dùng trên cơ sở nguồn thu nợ từ tiền lương, trợ cấp và các khoản thu nhập hợp pháp khác của CBCNV.

**Dịch vụ Bao thanh toán:**

- **Bao thanh toán trong nước:** thực hiện bao thanh toán dựa trên hợp đồng mua, bán hàng, trong đó bên bán hàng và bên mua hàng là người cư trú theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

- **Bao thanh toán xuất-nhập khẩu:** thực hiện bao thanh toán dựa trên hợp đồng xuất-nhập khẩu.

***Dịch vụ chuyển tiền***

- **Chuyển tiền trong nước:** thực hiện dịch vụ chuyển và nhận tiền theo yêu cầu của khách hàng tại các tỉnh, thành trên toàn lãnh thổ Việt nam, gồm:
  - Chuyển tiền trong hệ thống NAB
  - Chuyển tiền ngoài hệ thống NAB
  - Chuyển tiền ngân hàng liên kết
- **Chuyển tiền ra nước ngoài:** thực hiện dịch vụ nhằm hỗ trợ khách hàng chuyển tiền ngoại tệ ra nước ngoài để sử dụng vào các mục đích khám chữa bệnh, công tác, du lịch, du học, thanh toán tiền hàng hóa.
- **Dịch vụ nhận tiền không cần có tài khoản tại NAB**
- **Dịch vụ nhận tiền nhanh qua Western Union**

***Dịch vụ thanh toán quốc tế***

- Chuyển tiền bằng điện T/T
- Nhờ thu
- Tín dụng, chứng từ.

***Các sản phẩm dịch vụ khác***

- **Kinh doanh ngoại tệ:** nhận thu đổi các ngoại tệ mặt của khách hàng vắng lai, mua bán các loại ngoại tệ trên tài khoản và bán cho khách hàng có nhu cầu; thực hiện mua bán ngoại tệ trên thị trường ngoại hối trong nước và quốc tế gồm các loại giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi.
- **Chuyển đổi ngoại tệ:** phục vụ nhu cầu đa dạng hóa danh mục đầu tư của khách hàng, hạn chế rủi ro cũng như tìm kiếm lợi nhuận thông qua sự biến động của các loại tỷ giá ngoại tệ.
- **Chi trả hộ lương cán bộ - công nhân viên:** nhận tiền mặt hoặc trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của tổ chức kinh tế để thanh toán lương cho CBCNV theo thời gian nhất định hàng tháng.
- **Thu chi hộ tiền bán hàng:** thay mặt khách hàng làm các nghiệp vụ thu nhận, kiểm đếm, phân loại, vận chuyển,... và báo có vào tài khoản hoặc chi tiền cho các đối tác của khách

hàng.

- **Bảo lãnh:** cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho khách hàng, với nhiều loại hình như: Bảo lãnh vay vốn; bảo lãnh thanh toán; bảo lãnh dự thầu; bảo lãnh thực hiện chất lượng sản phẩm, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước; "bảo lãnh đối ứng"; "xác nhận bảo lãnh".

### 7.5 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh, NAB đã và đang triển khai một số dự án chính sau:

**Bảng 18. Các dự án nghiên cứu và triển khai sản phẩm trong năm 2010**

Thời gian		Tên sản phẩm
Nghiên cứu	Triển khai	
10/07 – 20/09/2009	Làm cơ sở để nghiên cứu các sản phẩm mới	Nghiên cứu đánh giá các sản phẩm hiện tại của NH
21/08-15/10/2009	21/10/2009	Phát triển sản phẩm mới: Tiết kiệm rút vốn linh hoạt
01/09-25/11/2009	Sản phẩm đang triển khai, chỉ thực hiện cải tiến	Bổ sung, cải tiến các sản phẩm hiện tại của NH
01/09-25/11/2009	Ứng dụng cho từng sản phẩm cụ thể	Bancassurance
01/10-25/11/2009	30/11/2009	Phát triển sản phẩm mới: Cho vay trả góp đảm bảo bằng lương
01/11-15/12/2009	16/12/2009	Thành lập trung tâm đào tạo NAB
01/11-25/12/2009	30/12/2009	Phát triển sản phẩm mới: Cho vay du học
01/11-25/12/2009	30/12/2009	Phát triển sản phẩm mới: Cho vay tín dụng luân chuyển
01/11-25/12/2009	30/12/2009	Phát triển sản phẩm mới: Cho vay thấu chi
01/01-10/02/2010	15/03/2010	Triển khai dịch vụ SMS Banking
01/01-30/04/2010	01/09/2010	Dịch vụ thu hộ tiền điện - nước - điện thoại

Thời gian		Tên sản phẩm
Nghiên cứu	Triển khai	
01/04 -30/08/2010	Làm cơ sở để nghiên cứu các sản phẩm mới	Nghiên cứu ứng dụng flexcube
01/05-01/06/2010	07/2010	Dịch vụ hỗ trợ du học
01/06-30/08/2010	01/09/2010	Sản phẩm cho vay trả góp sinh hoạt tiêu dùng
01/08-30/09/2010	01/10/2010	Tiền gửi tiết kiệm tích lũy
01/08-30/09/2010	01/10/2010	Tiền gửi tiết kiệm bậc thang
01/07-30/08/2010	Trong năm 2010	Hợp tác sản phẩm liên kết bảo hiểm người vay
01/08-30/09/2010	01/11/2010	Vay mua xe ô tô thế chấp bằng chính xe mua

(Nguồn: NAB)

## 8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

### 8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của NAB trong 2 năm gần nhất

**Bảng 19. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh của NAB (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Giá trị	tăng/giảm so với 2007 (%)	Giá trị	tăng/giảm so với 2008 (%)
Tổng tài sản	5.249.952	5.897.652	12,34	10.914.213	85,06
Tổng vốn huy động	4.483.653	4.494.304	0,24	9.444.119	110,14
Tổng dư nợ	2.698.695	3.749.653	38,94	5.012.922	33,69
Tổng thu nhập kinh doanh	556.940	837.558	50,39	759.557	(9,31)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.180	3.079	(90,43)	17.258	460,51
Lợi nhuận trước thuế	107.358	12.903	(87,98)	71.249	452,19

Lợi nhuận sau thuế	75.178	9.824	(86,93)	53.992	449,59
--------------------	--------	-------	---------	--------	--------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Bảng 20. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động kinh doanh của NAB (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Giá trị	tăng/giảm so với 2007 (%)	Giá trị	tăng/giảm so với 2008 (%)
Tổng tài sản	5.240.389	5.891.034	12,42	10.938.109	85,67
Tổng vốn huy động	4.473.954	4.487.869	0,31	9.464.638	110,89
Tổng dư nợ	2.698.695	3.749.653	38,94	5.012.922	33,69
Tổng thu nhập kinh doanh	556.946	837.564	50,39	763.283	(8,87)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.180	3.079	(90,43)	17.700	474,86
Lợi nhuận trước thuế	107.286	12.790	(88,08)	73.959	478,26
Lợi nhuận sau thuế	75.106	9.710	(87,07)	56.260	479,40

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008 và năm 2009)

Trong thời gian từ đầu năm 2008 trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam cũng như thị trường tài chính và hệ thống ngân hàng chứng kiến những biến động nhất định về sự thay đổi lãi suất, tỷ giá hối đoái, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, tình hình lạm phát,... Những yếu tố này gây ảnh hưởng không nhỏ đến định hướng hoạt động và khả năng cung ứng dịch vụ của các ngân hàng nói chung và NAB nói riêng. Song NAB vẫn có những bước tăng trưởng khá tốt về cả khả năng huy động vốn và hoạt động tín dụng.

Kết thúc năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng có sự tăng trưởng rõ nét hơn, thể hiện ở quy mô tổng tài sản, nguồn vốn huy động cũng như kết quả lợi nhuận của Ngân hàng so với năm 2008.

**Bảng 21. Cơ cấu thu nhập của NAB qua các năm (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
----------	----------	----------	----------



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	502.357	90,2	783.379	93,53	696.189	91,66
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.830	1,23	10.983	1,31	17.443	2,30
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.109	0,38	14.193	1,69	23.717	3,12
Thu nhập từ vốn góp mua cổ phần	27.858	5,00	14.908	1,78	2.374	0,31
Thu nhập từ hoạt động khác	17.786	3,19	3.069	0,37	13.341	1,76
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0	11.026	1,32	6.493	0,85
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>556.940</b>	<b>100</b>	<b>837.558</b>	<b>100</b>	<b>759.557</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Bảng 22. Cơ cấu thu nhập của NAB qua các năm (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	502.357	90,20	783.379	93,53	696.189	91,21
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.836	1,23	10.989	1,31	21.169	2,77
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.109	0,38	14.193	1,69	23.717	3,11
Thu nhập từ vốn góp mua cổ phần	27.858	5,00	14.908	1,78	2.374	0,31
Thu nhập từ hoạt động khác	17.786	3,19	3.069	0,37	13.341	1,75
Thu nhập từ mua bán chứng	0	0,00	11.026	1,32	6.493	0,85

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
khoản kinh doanh						
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>556.946</b>	<b>100,00</b>	<b>837.564</b>	<b>100,00</b>	<b>763.283</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Bảng 23. Cơ cấu chi phí của NAB qua các năm (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	356.340	79,26	682.837	82,80	492.949	71,62
Chi phí hoạt động dịch vụ	2.981	0,67	4.304	0,52	9.036	1,31
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	178	0,04	6.682	0,81	38.116	5,54
Chi phí hoạt động kinh doanh <sup>12</sup>	80.220	17,84	117.527	14,25	129.317	18,79
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9.862	2,19	13.305	1,62	16.799	2,44
Chi phí mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	85	0,01
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	2.006	0,29
Chi từ hoạt động kinh doanh khác	0,6	0,00	-	-	0	0,00
<b>Tổng</b>	<b>449.581,6</b>	<b>100,00</b>	<b>824.655</b>	<b>100,00</b>	<b>688.308</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: NAB)

<sup>12</sup> Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm Chi phí khấu hao, lương, các chi phí nhân viên khác và các chi phí khác cho hoạt động kinh doanh.

**Bảng 24. Cơ cấu chi phí của NAB qua các năm (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	356.198	79,22	682.527	82,75	493.322	71,57
Chi phí hoạt động dịch vụ	2.775	0,62	4.311	0,52	9.409	1,36
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	178	0,04	6.682	0,81	38.116	5,53
Chi phí hoạt động kinh doanh <sup>13</sup>	80.645	17,93	117.949	14,30	129.587	18,80
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9.863	2,19	13.305	1,62	16.799	2,44
Chi phí mua bán chứng khoán kinh doanh	0	0,00	-	-	85	0,01
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	0	0,00	-	-	2.006	0,29
Chi từ hoạt động kinh doanh khác	0,6	0,00	-	-	0	0,00
<b>Tổng</b>	<b>449.659,6</b>	<b>100,00</b>	<b>824.774</b>	<b>100,00</b>	<b>689.324</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: NAB)

**Bảng 25. Cơ cấu tổng thu nhập thuần của NAB qua các năm (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	146.017	73,95	100.542	69,95	203.240	93,50

<sup>13</sup> Chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm Chi phí khấu hao, lương, các chi phí nhân viên khác và các chi phí khác cho hoạt động kinh doanh.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.849	1,95	6.679	4,65	8.407	3,87
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.932	0,98	7.511	5,23	(14.400)	(6,62)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư, chứng khoán kinh doanh và vốn góp mua cổ phần	27.858	14,11	25.934	18,04	6.777	3,12
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	17.785	9,01	3.069	2,13	13.341	6,14
<b>Tổng thu nhập thuần<sup>14</sup></b>	<b>197.441</b>	<b>100,00</b>	<b>143.735</b>	<b>100,00</b>	<b>217.365</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: NAB)

**Bảng 26. Cơ cấu tổng thu nhập thuần của NAB qua các năm (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	146.159	73,90	100.852	70,02	202.867	92,07
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.060	2,05	6.678	4,64	11.760	5,34
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.932	0,98	7.511	5,21	(14.400)	(6,54)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư, chứng khoán kinh doanh và vốn góp mua cổ phần	27.858	14,08	25.934	18,00	6.777	3,08
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	17.785	8,99	3.069	2,13	13.341	6,05

<sup>14</sup> Thu nhập thuần trước chi phí hoạt động và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng thu nhập thuần<sup>15</sup></b>	<b>197.794</b>	<b>100,00</b>	<b>144.044</b>	<b>100,00</b>	<b>220.345</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: NAB)

## 8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 của NAB có sự tăng trưởng khả quan so với 2008, chủ yếu xuất phát từ các nguyên nhân sau:

### a) Các yếu tố khách quan

#### **Gói kích thích kinh tế 2009 của Chính phủ**

Trước những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính toàn cầu và ngăn chặn suy giảm kinh tế, từ đầu năm 2009, Chính phủ đã đưa ra gói kích thích kinh tế. Gói kích thích kinh tế đã triển khai được phân thành nhiều phần bao gồm: (i) gói hỗ trợ lãi suất 4%; (ii) gói hỗ trợ tiêu dùng bao gồm miễn thuế thu nhập cá nhân và hỗ trợ người nghèo ăn Tết; (iii) gói hỗ trợ đầu tư bao gồm miễn, giảm, giãn thuế doanh thu, thuế VAT cho các doanh nghiệp và cho nông dân vay vốn không lãi suất để mua thiết bị, máy móc sản xuất công nghiệp; (iv) đầu tư công bao gồm xây dựng kết cấu hạ tầng, nhà ở cho sinh viên và khu chung cư cho người thu nhập thấp. Tuy chưa được đánh giá một cách sâu sắc và toàn diện về hiệu quả của gói kích thích kinh tế, nhưng về cơ bản nó đã đạt được mục tiêu đề ra là ngăn chặn được đà suy giảm kinh tế và góp phần quan trọng làm cho hệ thống ngân hàng cải thiện được tính thanh khoản và duy trì khả năng trả nợ của khách hàng.

#### **Tốc độ tăng trưởng GDP ổn định, lạm phát giảm mạnh**

Ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Việt Nam 2008 đối mặt với nhiều khó khăn, dẫn đến những xáo động đầy kịch tính về thị trường, tỷ giá, đầu tư và thương mại. Năm 2009, nền kinh tế đã có dấu hiệu phục hồi nhưng những tác động từ cuộc khủng hoảng 2008 vẫn gây khó khăn chung cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Kết thúc năm 2009, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 5,32%. Tuy nền kinh tế tăng trưởng chậm so với

<sup>15</sup> Thu nhập thuần trước chi phí hoạt động và chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

những năm gần đây nhưng tỷ lệ lạm phát trong năm 2009 là 6,88%, giảm mạnh so với xấp xỉ 20% của năm 2008. Việc kiểm soát lạm phát trong năm 2009 thấp hơn mục tiêu ban đầu là 15% là một thành công đáng ghi nhận của nền kinh tế Việt Nam. Đây là một thành tựu kinh tế nổi bật trong năm 2009 nếu đặt trong bối cảnh Việt Nam là một trong số ít nền kinh tế trong khu vực và thế giới vẫn đạt mức tăng trưởng dương.

### ***Chính sách tiền tệ nới lỏng***

Để hỗ trợ nền kinh tế vượt qua giai đoạn khủng hoảng, NHNN đã duy trì mức lãi suất cơ bản 7% gần như trong suốt năm 2009. Thêm vào đó, chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất với tổng trị giá 17.000 tỷ đồng được triển khai từ đầu Quý II/2009 đã góp phần hỗ trợ các NHTM cung ứng vốn cho doanh nghiệp. Tính đến cuối năm 2009, tăng trưởng tín dụng của ngành ngân hàng đạt 37,73%, vượt 7,73% so với kế hoạch ban đầu.

### ***b) Các yếu tố chủ quan***

#### ***Marketing và phát triển khách hàng***

Nhằm nâng cao hình ảnh thương hiệu của NAB trên thị trường và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng, trong năm 2009, Ngân hàng đã triển khai nhiều chương trình khuyến mại dành cho khách hàng cá nhân gửi tiền tiết kiệm, mua kỳ phiếu và hợp đồng góp vốn có kỳ hạn tại NAB. Công tác chăm sóc khách hàng được chú trọng, Ngân hàng đã triển khai chương trình giải đáp thắc cho khách hàng về các chương trình khuyến mại và các sản phẩm dịch vụ của NAB, xây dựng quy định và hướng dẫn thực hiện chăm sóc khách hàng tiền gửi đến hạn, tổ chức tiếp thị đến từng khách hàng tại các chi nhánh. Điều này đã đem lại hiệu quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2009.

#### ***Cơ cấu tổ chức và hoạt động được hoàn thiện từng bước***

Hướng tới mô hình tổ chức và quản trị của ngân hàng hiện đại, NAB đang từng bước tái cơ cấu tổ chức. Trong năm qua, Ngân hàng đã phối hợp với Công ty tư vấn TalentNet triển khai dự án xây dựng qui chế lương mới, thực hiện khảo sát và đánh giá các vị trí theo bảng mô tả công việc của CBNV, sử dụng phần mềm quản lý nhân sự, triển khai các chương trình định hướng cho nhân viên mới và tổ chức các kỹ năng giao tiếp cho Cán bộ tín dụng và Giao dịch viên, ban hành các Quy trình nhân sự về tuyển dụng, đào tạo, luân chuyển, thăng tiến, nghỉ phép, nghỉ việc, giải quyết vấn đề tồn đọng về số nghỉ phép của CBNV, ban hành sổ tay nhân viên, xây dựng hệ thống đánh giá giá trị công việc của CBNV toàn Ngân hàng và hệ thống định biên lao động cho các Chi nhánh, PGD,... Thông qua các hệ thống chỉ tiêu này, tiền lương mới được điều chỉnh theo hướng gắn liền thu nhập của người lao động với hiệu quả hoạt động kinh doanh để đảm bảo đánh giá công bằng và chính xác sự đóng góp của từng mỗi đơn vị, cá nhân vào kết quả hoạt động kinh

doanh chung của toàn hệ thống.

## **9. Vị thế của NAB so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **9.1 Vị thế của NAB trong ngành**

Trong hệ thống NHTM Việt Nam, NAB thuộc nhóm ngân hàng có quy mô tài sản và vốn ở mức trung bình. Theo phân tích SWOT, NAB đang có những điểm mạnh, lợi thế cũng như những khó khăn, thách thức như sau:

#### **a) Điểm mạnh**

- ✚ Chính sách giá cạnh tranh;
- ✚ Lịch sử hoạt động có bề dày với mạng lưới khách hàng truyền thống có quan hệ tín dụng lâu dài, đã và đang khẳng định tiềm lực và uy tín và thương hiệu trên thị trường;
- ✚ Cơ cấu tổ chức nhỏ, gọn nhẹ, linh hoạt trong hoạt động, đặc biệt là với thị trường doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- ✚ Có đội ngũ nhân lực trẻ, nhiệt huyết, được đào tạo tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, giàu kinh nghiệm chuyên môn và tận tâm với công việc;
- ✚ Mạng lưới giao dịch rộng khắp, các điểm giao dịch tập trung tại các thành phố lớn trên cả nước tạo thuận lợi cho khách hàng giao dịch.

#### **b) Điểm yếu**

- ✚ Chiến lược dài hạn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện. Vì vậy, khả năng cạnh tranh cũng như định vị được thương hiệu của ngân hàng trên thị trường tài chính tiền tệ còn gặp một số hạn chế trong khi thực hiện;
- ✚ Đội ngũ nhân viên đa số còn trẻ nên bị hạn chế về kinh nghiệm thực tế, công tác đào tạo chưa được chú trọng đúng mức;
- ✚ Danh mục sản phẩm hạn chế, chủ yếu tập trung vào những sản phẩm truyền thống, chưa có sự đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới;
- ✚ Chưa quan tâm đến công tác nghiên cứu thị trường để phân khúc, lựa chọn thị trường phù hợp.

#### **c) Cơ hội**

- ✚ Nền kinh tế đang trên đà hồi phục trong năm 2009, vì vậy, nhu cầu vốn phục vụ đầu tư phát triển cũng như nhu cầu về các sản phẩm dịch vụ tài chính được đánh giá có nhiều tiềm năng mở rộng và tăng cao;

- ✚ Số lượng doanh nghiệp mới thành lập, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô hoạt động vừa và nhỏ rất lớn;
- ✚ Việt Nam có dân số khoảng 86 triệu và chỉ có số ít người dân sử dụng dịch vụ ngân hàng, chủ yếu tập trung tại các thành phố lớn như Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh. Đây chính là cơ hội phát triển đối với ngành ngân hàng, đặc biệt là tiềm năng vốn trong dân cư còn rất lớn;
- ✚ Tâm lý của người dân thích giao dịch với các ngân hàng Việt Nam cũng sẽ là yếu tố thuận lợi cho các ngân hàng nội địa.

**d) Thách thức**

- ✚ Thị trường tài chính có nhiều biến động vượt ngoài tầm kiểm soát, các chính sách tài chính vĩ mô chưa thể hiện được tính nhất quán và xuyên suốt trong thời gian qua, gây những khó khăn nhất định trong hoạt động điều hành của từng ngân hàng;
- ✚ Tập quán cất giữ tiền mặt và tâm lý hạn chế sử dụng dịch vụ, đòn bẫy tài chính từ ngân hàng vẫn được duy trì với một tỷ lệ cao trong dân chúng, đặc biệt với nhóm khách hàng cá nhân;
- ✚ Năng lực cạnh tranh của các ngân hàng trong nước vẫn còn quá hạn chế so với các ngân hàng nước ngoài về quy mô vốn, công nghệ, kỹ năng quản trị điều hành và quản lý rủi ro;
- ✚ Thị trường tài chính được mở cửa hoàn toàn, các ngân hàng thương mại nước ngoài theo lộ trình sẽ được đối xử bình đẳng NHTM trong nước. Đây là thách thức rất lớn của các ngân hàng nội địa trong những năm tới.

**9.2 Triển vọng phát triển của ngành****a) Đặc điểm của ngành Ngân hàng Việt Nam****✚ Mức độ thâm nhập thị trường thấp**

Mức độ thâm nhập thị trường thấp của hệ thống ngân hàng Việt Nam được đánh giá qua các sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho nền kinh tế, thói quen sử dụng dịch vụ NH và khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của người dân.

Trên thực tế, hệ thống ngân hàng Việt Nam mới hoạt động với 02 dịch vụ chủ yếu: huy động vốn và cho vay. Hoạt động thanh toán qua ngân hàng tuy có sự tăng trưởng mạnh trong những năm gần đây nhưng thói quen dùng tiền mặt vẫn còn rất phổ biến. Theo ước tính, tổng số tài khoản giao dịch cá nhân trong toàn hệ thống hiện có khoảng 7 triệu tài khoản, tương đương 8% dân số



Việt Nam, thấp hơn rất nhiều so với các nước khác trong cùng khu vực<sup>16</sup>.

Bên cạnh đó, tuy mạng lưới chi nhánh ngân hàng đã được mở rộng trong vài năm trở lại đây, nhưng tỷ lệ lớn dân cư, đặc biệt là khu vực nông thôn, nơi chiếm tới hơn 70% dân số thì khả năng tiếp cận các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng còn hạn chế rất nhiều.

#### **Mức độ cạnh tranh trong ngành**

Cùng với sự gia tăng mạnh của các NHTMCP trong nước, mức độ cạnh tranh trong ngành hiện ngày càng tăng cao, đặc biệt từ nhóm NH nước ngoài.

Thực hiện cam kết khi gia nhập WTO, Việt Nam đang mở rộng cánh cửa và từng bước áp dụng cơ chế bình đẳng trong hoạt động của các NHTM trong và ngoài nước. Tính đến thời điểm hiện tại, 05 ngân hàng 100% vốn nước ngoài đã được cấp phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam (ANZ, HSBC, Standard Chartered Bank, Shinhan, Hong Leong). Với tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ, kỹ năng quản lý,... các NHTM nước ngoài sẽ tạo sức ép gay gắt với hệ thống NHTM trong nước, đặc biệt các ngân hàng có quy mô vừa và nhỏ, với định hướng chiến lược chưa rõ ràng.

#### **Hiệu quả hoạt động của ngành ngân hàng**

Hệ thống ngân hàng Việt Nam đã có sự tăng trưởng rất nhanh trong những năm qua với tốc độ tăng trưởng bình quân 35%/năm. Bên cạnh sự tăng trưởng, hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại cũng được nâng lên rõ rệt, đặc biệt là khối NHTMCP. Mặc dù, trong năm 2009 hệ thống ngân hàng chịu nhiều tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng nhìn chung khối ngân hàng Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối khá.

Hầu hết các ngân hàng đều công bố kết quả lợi nhuận khả quan trong năm 2009. Kết quả này có được chủ yếu đến từ hoạt động truyền thống (tín dụng) của ngành nhờ vào chính sách nới lỏng tiền tệ và việc triển khai gói kích cầu trong năm của Chính phủ.

#### *b) Xu hướng phát triển của ngành ngân hàng trong thời gian tới*

##### **Một số chỉ tiêu tiền tệ - ngân hàng đến năm 2010<sup>17</sup>**

- Lạm phát thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế;
- Tăng trưởng bình quân tổng phương tiện thanh toán (M2): 18-20%/năm;
- Tỷ lệ M2/GDP đến cuối năm 2010: 100-115%;

<sup>16</sup> <http://www.ven.org.vn/tai-chinh-ngan-hang/ngan-hang/tra-luong-qua-tai-khoan-ngan-hang-111a-san-sang>

<sup>17</sup> Đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Quyết định 112/2006/QĐ-TTg)

- Tỷ trọng tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng/M2: không quá 18%;
- Tăng trưởng bình quân tín dụng: 18-20%;
- Tỷ lệ an toàn vốn đến năm 2010: không dưới 8%;
- Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ đến năm 2010: dưới 5%;
- Chuẩn mực giám sát ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế Basel I.

**✚ Sự dịch chuyển trong cơ cấu thu nhập theo hướng tăng dần tỷ trọng của nhóm dịch vụ thu phí, giảm tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng**

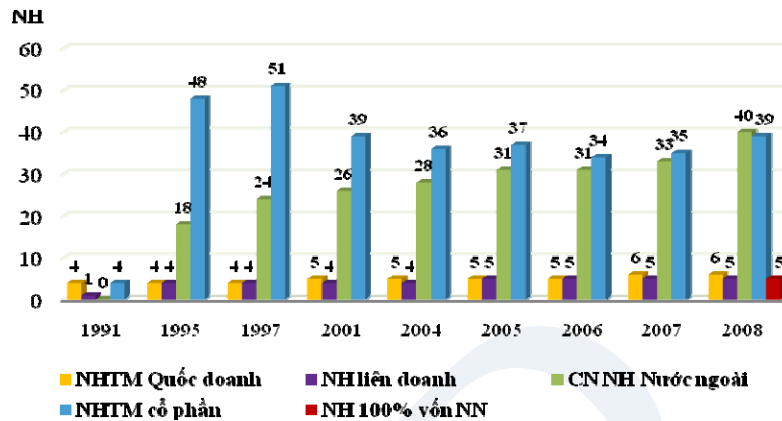
Cơ cấu thu nhập trong lĩnh vực ngân hàng trong những năm gần đây bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng truyền thống và nâng cao dần tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động, dịch vụ ngân hàng hiện đại khác. Sự chuyển dịch cơ cấu này phù hợp với xu hướng chung của các ngân hàng hiện đại (*giảm đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực rủi ro cao, tăng thu từ hoạt động phi tín dụng, có tính bền vững cao và ít rủi ro hơn*).

**✚ Xu hướng mua bán và sáp nhập (M&A) trong hệ thống ngân hàng**

Cùng với chính sách mở cửa ngành ngân hàng khi gia nhập WTO, xu thế M&A trong thời gian gần đây diễn ra rất mạnh mẽ trong lĩnh vực này. Các tổ chức tài chính, ngân hàng nước ngoài nhắm đến những NHTM cổ phần hoạt động hiệu quả trong nước để tham gia góp vốn, làm đối tác chiến lược. Điển hình là HSBC sở hữu 15% cổ phần của Techcombank (đây là tỷ lệ sở hữu tối đa của một cổ đông nước ngoài tại NHTM Việt Nam); ANZ, IFC và Dragon Financial Holdings cùng tham gia nắm giữ cổ phần của Sacombank theo tỷ lệ tương ứng là 9,9%, 7,7% và 8,8%; Standard Charter Bank sở hữu 8,56%, IFC 7,29%, và Dragon Financial Holdings 6,84% cổ phần ACB; OCBC tham gia góp 15% vốn cổ phần của VP Bank<sup>18</sup>,... Với quá trình này, các ngân hàng nước ngoài đang từng bước gia tăng sự ảnh hưởng của mình trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

**Hình 5. Số lượng NHTM tại Việt Nam giai đoạn 1991 - 2008**

<sup>18</sup> Nguồn: Các NHTM CP Techcombank, Sacombank và ACB



(Nguồn: Tổng hợp từ NHNN và Báo cáo thường niên của NHNN)

### 9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của NAB với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

#### a) Định hướng phát triển của NAB trong thời gian tới

Nhằm tận dụng và phát huy thế mạnh sẵn có của bản thân cũng như xem xét môi trường kinh doanh và các yếu tố khách quan khác, NAB xác định chiến lược kinh doanh với phương châm luôn cung cấp **“Giá trị vượt thời gian”**. Để thực hiện được mục tiêu này, NAB đã và đang tập trung nâng cao năng lực tài chính; đầu tư phát triển công nghệ thông tin theo hướng hiện đại hoá phù hợp với công nghệ ngân hàng trong khu vực và thế giới; mở rộng mạng lưới hoạt động, đa dạng hoá các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; đồng thời chú trọng việc tăng cường kiểm tra kiểm soát nội bộ, tạo an toàn trong hoạt động; quảng bá rộng rãi thương hiệu Ngân hàng, tiếp tục theo định hướng là người bạn đồng hành của doanh nghiệp, các tiểu thương, các hộ gia đình và cá nhân để cùng nhau phát triển.

#### ✚ Tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính

Nhằm đáp ứng yêu cầu về mức vốn điều lệ đối với các NHTMCP của NHNN, NAB đã từng bước xây dựng lộ trình tăng vốn phù hợp với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Theo kế hoạch, trong năm 2010, NAB sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng đáp ứng yêu cầu vốn tối thiểu theo NHNN. Việc tăng vốn điều lệ tạo tiền đề cho Ngân hàng trong việc nâng cao năng lực tài chính, mở rộng và phát triển kinh doanh.

#### ✚ Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh nguồn thu từ dịch vụ, cơ cấu tổng tài sản Có theo hướng ngân hàng hiện đại

NAB tiếp tục duy trì chính sách đa dạng hóa, khác biệt hóa sản phẩm thông qua việc rà soát,

đánh giá lại những sản phẩm đã triển khai để hoàn thiện danh mục sản phẩm, tiến hành phân khúc, phân tích nhu cầu của từng nhóm đối tượng khách hàng nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Đối với nhóm sản phẩm mới, NAB có kế hoạch đặc biệt chú trọng khai thác những sản phẩm liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ, thanh toán quốc tế, cho vay VND bảo đảm giá trị theo ngoại tệ, nhóm sản phẩm cho vay phục vụ đời sống, tiền gửi tiết kiệm, tiết kiệm rút vốn linh hoạt, tiền gửi thanh toán, tiền gửi ký quỹ,... Các sản phẩm, dịch vụ được thiết kế theo hướng mở nhằm đáp ứng tối ưu nhu cầu đa dạng của khách hàng.

#### **🚩 Phát triển mạng lưới giao dịch**

Mạng lưới hoạt động của NAB cuối năm 2009 đạt 49 điểm gồm 01 Hội sở chính, 12 Chi nhánh, 36 Phòng giao dịch trải đều trên khắp cả nước. Theo chủ trương phát triển bền vững và hiệu quả, trong năm 2010, NAB ưu tiên tập trung cho công tác nâng cấp các phòng giao dịch trú đóng ngoài địa bàn lên thành chi nhánh theo Quyết định số 13/2008/QĐ – NHNN của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, theo đó sẽ thành lập mới Sở Giao dịch, số lượng Chi nhánh thành lập mới là 08 chi nhánh và số Phòng giao dịch mới sẽ được thành lập là 10 phòng giao dịch.

#### **🚩 Tiếp tục thực hiện chính sách giá linh hoạt, cạnh tranh.**

Tiếp tục thực hiện chính sách giá linh hoạt, phản ứng nhanh và chính xác đối với các điều chỉnh về giá của các ngân hàng thương mại thuộc nhóm đối thủ cạnh tranh của NAB. Duy trì mức lãi suất huy động và lãi suất cho vay đối với các sản phẩm truyền thống có tính cạnh tranh cao, đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn hiện tại.

Đối với các sản phẩm dịch vụ mới, đặc biệt là đối với các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, NAB áp dụng chính sách giá dựa trên chi phí thực tế để xác định giá bán cho các sản phẩm dịch vụ, tiến hành phân nhóm khách hàng để có những chính sách ưu đãi dành riêng cho những khách hàng thân thuộc, có quan hệ giao dịch uy tín với NAB.

#### **🚩 Tái cấu trúc hoạt động và phát triển nguồn nhân lực**

Hướng đến việc xây dựng hệ thống và quản trị ngân hàng hiện đại, NAB đang từng bước thực hiện tái cấu trúc mô hình tổ chức và quản lý ngân hàng. Bên cạnh đó, chính sách thu hút nguồn nhân lực cao và các hoạt động đào tạo đang được triển khai và hoàn thiện nhằm đáp ứng sự phát triển của Ngân hàng.

#### **🚩 Hiện đại hóa công nghệ thông tin**

Tập trung thực hiện dự án đầu tư Corebanking theo đúng tiến độ và kế hoạch đã đề ra. Cập nhật, cải tiến, hiện đại hóa các chương trình ứng dụng đáp ứng nhu cầu hoạt động quản lý, tổng hợp,

phân tích dữ liệu, giao dịch khách hàng và triển khai các dịch vụ đa dạng, phục vụ kinh doanh ngày càng hiệu quả hơn.

Việc đầu tư dự án corebanking mới và dự án phát hành thẻ trong giai đoạn hiện nay là rất quan trọng và hết sức cần thiết, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng thông qua nhiều kênh phân phối như ATM, Mobile Banking, Internet Banking... Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, NAB đã không ngừng nỗ lực phấn đấu mở rộng quy mô hoạt động và hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu xử lý thông tin, nâng cao chất lượng quản lý, làm tiền đề cho việc ứng dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử và các dịch vụ ngân hàng hiện đại khác.

#### **Hoạt động Marketing**

- Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu Ngân hàng Nam Á;
- Thực hiện các chương trình quảng cáo và đưa tin về các sản phẩm mới của Ngân hàng, thực hiện tài trợ cho một chương trình lớn trên truyền hình xuyên suốt năm 2009;
- Đầu tư, thiết kế lại website của Ngân hàng Nam Á theo hướng chuyên nghiệp, hình thức đẹp để thu hút nhiều người truy cập;
- Tăng cường cả về số lượng và chất lượng cho đội ngũ Marketing, đổi mới phong cách tiếp cận khách hàng từ bị động sang chủ động nhằm kích thích và định hướng nhu cầu của khách hàng về các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng.

#### **b) Đánh giá về sự phù hợp trong định hướng phát triển của NAB**

Kế hoạch triển khai các dịch vụ, sản phẩm theo hướng ngân hàng hiện đại của NAB hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của ngành cũng như xu thế phát triển chung trên thế giới. Việc chú trọng đầu tư nguồn nhân lực, hiện đại hóa công nghệ tin học của Ngân hàng là các điều kiện cần thiết trong quá trình phát triển của NAB. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực tài chính, mở rộng mạng lưới hoạt động của NAB sẽ góp phần mở rộng cơ hội kinh doanh và phát triển thị trường của Ngân hàng trong thời gian tới.

### **10. Chính sách đối với người lao động**

#### **10.1 Số lượng và cơ cấu trong Ngân hàng**

**Bảng 27. Cơ cấu nhân sự của NAB tính đến ngày 31/12/2009**

Stt	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
<i>Phân chia theo giới tính</i>			

Stt	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1.	Lao động nam	426	50,12%
2.	Lao động nữ	424	49,88%
<b>Tổng cộng</b>		<b>850</b>	<b>100%</b>
<b>Phân chia theo trình độ học vấn</b>			
1.	Trên Đại học	11	1,29%
2.	Đại học	485	57,06%
3.	Cao đẳng, Trung cấp	151	17,77%
4.	Lao động khác	203	23,88%
<b>Tổng cộng</b>		<b>850</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: NAB)

## 10.2 Các chính sách đối với người lao động

### 📌 Chế độ làm việc

CBCNV của NAB đều có hợp đồng lao động theo đúng Luật Lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, và được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn v.v...

### 📌 Chế độ tiền lương, thưởng.

Chế độ tiền lương, thưởng, trợ cấp của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với tính chất của công việc thực tế và các quy định của pháp luật.

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của NAB gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ của mỗi nhân viên thực hiện cho khách hàng, chế độ cơ bản như sau:

- Nhân viên được hưởng tối thiểu 13 tháng lương/năm;
- Chế độ khen thưởng được đánh giá theo năng suất và mức độ hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm, thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Ngân hàng.

### 📌 Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội

Tất cả nhân viên chính thức của NAB đều được hưởng các chế độ theo Luật Lao động. Bên cạnh

đó, nhân viên của Ngân hàng còn nhận được các phụ cấp theo chế độ như phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn, v.v...

**🚦 Công tác tuyển dụng, đào tạo:**

Đào tạo và phát triển nhân viên là công tác được ưu tiên hàng đầu của NAB. Mục tiêu của Ngân hàng là xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. Hiện tại, NAB đang xây dựng Trung tâm đào tạo của mình với hệ thống giáo trình hoàn chỉnh bao gồm tất cả các nghiệp vụ ngân hàng, các kiến thức pháp luật, tổ chức quản lý và hoạt động theo chuẩn mực.

Nhân viên quản lý, điều hành của NAB cũng được chú trọng đào tạo chuyên sâu về quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản lý rủi ro, quản lý chất lượng, v.v.. Ngân hàng cũng khuyến khích và thúc đẩy sự chia sẻ kỹ năng, tri thức giữa các thành viên trong Ngân hàng trên tinh thần một tổ chức không ngừng học tập để chuẩn bị tạo nền tảng cho sự phát triển liên tục và bền vững.

Về chủ trương, tất cả các nhân viên trong hệ thống cũng như nhân viên mới tuyển dụng của NAB đều có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài Ngân hàng, được Ngân hàng tài trợ theo quy chế đào tạo của Ngân hàng.

**11. Chính sách cổ tức**

**Bảng 28. Tình hình chi trả cổ tức 2007-2008**

<b>Năm</b>	<b>Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn cổ phần</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>2007</b>	10,15%	Trả bằng cổ phiếu
<b>2008</b>	0,47%	Trả bằng tiền mặt
<b>2009</b>	3,5%	Trả bằng tiền mặt

*(Nguồn: NAB)*

Việc chi trả cổ tức của NAB được thực hiện dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức;
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới.

**12. Tình hình tài chính**

**Bảng 29. Một số chỉ tiêu tài chính của NAB (Ngân hàng mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<b>1. Quy mô vốn</b>			
Vốn điều lệ	575.925	1.252.837	1.252.837
Tổng tài sản có	5.249.952	5.897.652	10.914.213
Tỷ lệ an toàn vốn	21,07%	29,81%	19,24%
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Nguồn vốn huy động	4.483.653	4.494.304	9.444.119
Dư nợ cho vay	2.698.695	3.749.653	5.012.922
<b>Trong đó</b>			
Nợ quá hạn	61.430	290.57	326.55
<b>3. Hệ số sử dụng vốn</b>			
LNST/VCSH cuối kỳ	11,28%	0,76%	4,05%
LNST/Tổng tài sản cuối kỳ	1,38%	0,17%	0,49%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%	0%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,28%	7,75%	6,51%
<b>4. Khả năng thanh khoản</b>			
Khả năng thanh toán ngay (lần)			
-VNĐ	9	12	11
-USD	28	45	29
-Vàng	181	51	11

(Nguồn: BCTC kiểm toán của NAB năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Bảng 30. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của NAB (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<b>1. Quy mô vốn</b>			
Vốn điều lệ	575.925	1.252.837	1.252.837



**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
Tổng tài sản có	5.240.389	5.891.034	10.938.109
Tỷ lệ an toàn vốn	21,07%	29,81%	19,24%
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Nguồn vốn huy động	4.473.954	4.487.869	9.464.638
Dư nợ cho vay	2.698.695	3.749.653	5.012.922
<b>Trong đó</b>			
Nợ quá hạn	61.430	290.557	326.155
<b>3. Hệ số sử dụng vốn</b>			
LNST/VCSH cuối kỳ	11,27%	0,75%	4,21%
LNST/Tổng tài sản cuối kỳ	1,43%	0,16%	0,51%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0%	0%	0%
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	2,28%	7,75%	6,51%
<b>4. Khả năng thanh khoản</b>			
<b>Khả năng thanh toán ngay (lần)</b>			
-VNĐ	9	12	11
-USD	28	45	29
-Vàng	181	51	11

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Trong đó:**

Nợ quá hạn là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn<sup>19</sup>

Tài sản có thể thanh toán ngay (01 ngày)

Khả năng thanh toán ngay<sup>20</sup> = -----

Tài sản nợ đến hạn thanh toán ngay (01 ngày)

**13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

<sup>19</sup> Nợ quá hạn được xác định dựa theo Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN và Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN

<sup>20</sup> Khả năng thanh toán ngay được xác định theo Quyết định số 400/2004/QĐ-NHNN. Quyết định này thay thế Quyết định 292/1998/QĐ-NHNN5 ngày 27/8/1998

**13.1 Hội đồng quản trị**

- 1) **Ông NGUYỄN QUỐC MỸ** - **Chủ tịch HĐQT**
- ✚ Họ và tên: **Nguyễn Quốc Mỹ**
  - ✚ Giới tính: **Nam**
  - ✚ Ngày tháng năm sinh: **26/10/1971**
  - ✚ Nơi sinh: **Bình Định**
  - ✚ Quốc tịch: **Việt Nam**
  - ✚ Số CMND: **022111300** Ngày cấp: **12/04/2000** Nơi cấp: **CA TP.HCM**
  - ✚ Dân tộc: **Kinh**
  - ✚ Quê quán: **Bình Định**
  - ✚ Địa chỉ thường trú: **141 Võ Văn Tần, P6, Quận 3, TP.HCM**
  - ✚ Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: **08 – 3914 1193**
  - ✚ Trình độ văn hoá: **12/12**
  - ✚ Trình độ chuyên môn: **Đại học tại chức tại Trường Đại học Ngân hàng**
  - ✚ Quá trình công tác:
    - 1989 - 1992: Kinh doanh tại gia
    - 1993 - 2003: Giám đốc Công ty TNHH Hải Vương
    - 2001- 2003: Thành viên HĐQT Ngân hàng Nam Á
    - 2003 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Sao Mai
    - 10/07/2007 đến 11/04/2008: Phó Chủ Tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á
    - Từ 11/04/2008 đến nay: Chủ Tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á
  - ✚ Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng: **Chủ Tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á**
  - ✚ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Giám đốc Công ty TNHH Sao Mai**
  - ✚ Số cổ phần đang nắm giữ: **9.831.408 cổ phần**
    - Sở hữu cá nhân: **9.831.408 cổ phần**
    - Đại diện sở hữu phần vốn khác: **Không**
  - ✚ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: **25.616.005 cổ phần**

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



*Trong đó:*

- |                                |                    |
|--------------------------------|--------------------|
| - Họ tên: Nguyễn Chấn          | Quan hệ: Cha ruột  |
| Số cổ phần nắm giữ:            | 6.430.610 cổ phần  |
| - Họ tên: Trần Thị Hương       | Quan hệ: Mẹ ruột   |
| Số cổ phần nắm giữ:            | 17.573.509 cổ phần |
| - Họ tên: Nguyễn Thị Xuân Ngọc | Quan hệ: Em ruột   |
| Số cổ phần nắm giữ:            | 588.280 cổ phần    |
| - Họ tên: Nguyễn Thị Xuân Loan | Quan hệ: Em ruột   |
| Số cổ phần nắm giữ:            | 1.023.606 cổ phần  |

- |  |       |
|--|-------|
| ✚ Hành vi vi phạm pháp luật:                 | Không |
| ✚ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng: | Không |
| ✚ Các khoản nợ với Ngân hàng:                | Không |

**2) Ông HUỖNH THÀNH CHUNG - Ủy viên HĐQT**

- |                                       |  |             |            |            |           |
|---------------------------------------|--|-------------|------------|------------|-----------|
| ✚ Họ và tên:                          | <b>Huỳnh Thành Chung</b>                             |             |            |            |           |
| ✚ Giới tính:                          | Nam  |             |            |            |           |
| ✚ Ngày, tháng, năm sinh:              | 21/08/1968   |             |            |            |           |
| ✚ Nơi sinh:                           | Bến Tre  |             |            |            |           |
| ✚ Quốc tịch:                          | Việt Nam   |             |            |            |           |
| ✚ Số CMTND/Hộ chiếu:                  | 021 865 817  | ✚ Cấp ngày: | 15/02/1996 | ✚ Nơi cấp: | CA TP.HCM |
| ✚ Dân tộc:                            | Kinh   |             |            |            |           |
| ✚ Quê quán:                           | Bến Tre  |             |            |            |           |
| ✚ Địa chỉ thường trú:                 | 234 Pasteure, P6, Quận 3, TP.HCM                     |             |            |            |           |
| ✚ Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: | 08.39141193  |             |            |            |           |
| ✚ Trình độ văn hoá:                   | 12/12  |             |            |            |           |
| ✚ Trình độ chuyên môn:                | Phổ thông trung học                                  |             |            |            |           |
| ✚ Quá trình công tác:                 |  |             |            |            |           |
| -                                     | 1988 - 1990: Kế toán trưởng Xí nghiệp May Thắng Lợi. |             |            |            |           |

- 1990 - 1991: Phó Giám đốc Công ty TNHH Hồng Ngọc.
- 1992 đến nay: Giám đốc, chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thành Công
- 1997 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Hải Vương
- Từ 10/07/2007 – đến 11/04/2008: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Nam Á
- Từ 11/04/2008 – đến nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á

✚ Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á

✚ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thành Công.
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Vương.

✚ Số cổ phần nắm giữ: 2.043.252 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 2.043.252 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn khác: Không

✚ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 588.280 cổ phần

Trong đó:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân Ngọc      Quan hệ: Vợ
- Số cổ phần nắm giữ: 588.280 cổ phần

✚ Hành vi vi phạm pháp luật: Không

✚ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng: Không

✚ Các khoản nợ với Ngân hàng: Không

3) Ông **PHAN ĐÌNH TÂN** - Ủy viên HĐQT

✚ Họ và tên: **Phan Đình Tân**

✚ Giới tính: Nam

✚ Ngày, tháng, năm sinh: 10/09/1954

✚ Nơi sinh: Bình Định

✚ Quốc tịch: Việt Nam

✚ Số CMTND/Hộ chiếu: 023 169 617 Cấp ngày: 29/05/2003 Nơi cấp: CA TP.HCM

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



- ✚ Dân tộc : Kinh
- ✚ Quê quán: Bình Định
- ✚ Địa chỉ thường trú: 27A Bàn Cờ, P.3, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
- ✚ Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 08.39141193
- ✚ Trình độ văn hoá: 12/12
- ✚ Trình độ chuyên môn: Trung cấp Quản lý Kinh tế khóa I tại Trường trung học Quản lý Kinh tế Tỉnh Nghĩa Bình.
- ✚ Quá trình công tác:
  - 1975 – 1976: Ủy viên thư ký UBND thị trấn Bồng Sơn, thuộc huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
  - 1977 – 1979: Học chuyên môn tại Trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình
  - 1980 – 1990: Cán bộ Công ty Liên hiệp Thủy sản tỉnh Nghĩa Bình.
  - 1990 đến nay: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu
  - 2003 đến nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á
- ✚ Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á
- ✚ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- ✚ Số cổ phần nắm giữ: 7.105.932 cổ phần
- Trong đó:
  - Sở hữu cá nhân: 7.105.932 cổ phần
  - Đại diện sở hữu phần vốn khác: Không
- ✚ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- ✚ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ✚ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng: Không
- ✚ Các khoản nợ với Ngân hàng: Không
- 4) Bà **NGUYỄN THỊ XUÂN LOAN** - Ủy viên HĐQT
- ✚ Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân Loan
- ✚ Giới tính: Nữ
- ✚ Ngày, tháng, năm sinh: 10/06/1974

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



✚	Nơi sinh:	Bình Định
✚	Quốc tịch:	Việt Nam
✚	Số CMTND/Hộ chiếu:	022 771 586    Cấp ngày: 03/08/2005 Nơi cấp: CA TP.HCM
✚	Dân tộc:	Kinh
✚	Quê quán:	Bình Định
✚	Địa chỉ thường trú:	101 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP.HCM
✚	Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	08. 38 299 408
✚	Trình độ văn hoá:	12/12
✚	Trình độ chuyên môn:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh tại Trường Richmond International College, Canada.</li><li>- Tốt nghiệp Khóa học Kế toán – Vi tính tại Trường Compucollege School of Business, Canada.</li><li>- Tốt nghiệp khóa học Quản lý Tài chính – Lựa chọn tài chính nghiệp đoàn tại Trường British Columbia Institute of Technology, Canada.</li></ul>
✚	Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- 1999 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH Sơn Hải.</li><li>- 1999 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP SX DVTM &amp; NN Hải Vương</li><li>- 2008 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Hòa Bình</li><li>- 2003 đến nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á</li></ul>
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng:	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Nam Á
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thành viên HĐQT Công ty CP Sơn Hải;</li><li>- Ủy viên HĐQT Công ty CP SX DVTM &amp; NN Hải Vương;</li><li>- Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Hòa Bình</li></ul>
✚	Số cổ phần nắm giữ:	1.023.606 cổ phần

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.023.606 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn khác: Không
- + Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 35.531.873 cổ phần

Trong đó:

- Họ và tên: Nguyễn Chấn Quan hệ: Cha ruột
- Số cổ phần nắm giữ: 6.430.610 cổ phần
- Họ và tên: Trần Thị Hương Quan hệ: Mẹ ruột
- Số cổ phần nắm giữ: 17.573.509 cổ phần
- Họ và tên: Lê Đình Trí Quan hệ: Chồng
- Số cổ phần nắm giữ: 1.108.066 cổ phần
- Họ và tên: Nguyễn Quốc Mỹ Quan hệ: Anh ruột
- Số cổ phần nắm giữ: 9.831.408 cổ phần
- Họ và tên: Nguyễn Thị Xuân Ngọc Quan hệ: Chị ruột
- Số cổ phần nắm giữ: 588.280 cổ phần
- + Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- + Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng: Không
- + Các khoản nợ với Ngân hàng: Không

**13.2 Ban Tổng Giám đốc**

- 1) Ông **TRẦN ANH TUẤN** - **Tổng Giám đốc**
- + Họ và tên: **Trần Anh Tuấn**
  - + Giới tính: Nam
  - + Sinh ngày: 27/04/1964
  - + Nơi sinh: Đà Nẵng
  - + Quốc tịch: Việt Nam
  - + Số CMND: 024177028 Cấp ngày: 25/08/2003 Tại: CA TP. HCM

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



✚	Dân tộc:	Kinh
✚	Quê quán:	Nam Định
✚	Địa chỉ thường trú:	18E 1 Khu Tân Qui Đông, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM.
✚	Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	08. 38 299 408
✚	Trình độ văn hóa:	12/12
✚	Trình độ chuyên môn:	Đại học kinh tế
✚	Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- 1987 – 1992: Cán bộ CNV Phòng Tổng hợp NHNN Chi nhánh Tỉnh Đồng Tháp.</li><li>- 1993 – T7/1994: Phó Phòng Quản lý các TCTD Chi nhánh NHNN Tỉnh Đồng Tháp.</li><li>- T6/1995 – T10/1995: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM.</li><li>- T11/1995 – T09/1998: Phó Giám đốc Chi nhánh Lãnh Binh Thăng - Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM.</li><li>- T10/1998 – T04/1999: Quyền Giám đốc Chi nhánh Lãnh Binh Thăng - Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM.</li><li>- T10/1999 – T01/2001: Giám đốc Chi nhánh Lãnh Binh Thăng - Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM.</li><li>- T2/2001 – T06/2007: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM.</li><li>- T7/2007 – T09/2007: Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM.</li><li>- T10/2007 – T02/2009: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM.</li><li>- T06/2009 đến nay: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.</li></ul>
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng:	Tổng Giám đốc
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
✚	Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần
	Trong đó:	
	- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần



- Đại diện sở hữu cổ phần nhà nước:	0 cổ phần
✚ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:	Không
✚ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
✚ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng:	Không
✚ Các khoản nợ với Ngân hàng:	Không
<b>2) Bà <i>VÕ THỊ TUYẾT NGA</i></b>	<b><i>Phó Tổng Giám đốc</i></b>
✚ Họ và tên:	<b>Võ Thị Tuyết Nga</b>
✚ Giới tính:	Nữ
✚ Sinh ngày:	03/05/1966
✚ Nơi sinh:	Sài Gòn
✚ Quốc tịch:	Việt Nam
✚ Số CMND:	021446814      Cấp ngày: 21/05/2008
Nơi cấp:	CA TP. HCM
✚ Dân tộc:	Kinh
✚ Quê quán:	Long An
✚ Địa chỉ thường trú:	246 Lương Định Của, Phường An Khánh, Quận 2, TP. HCM
✚ Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	(08) 38 213 658
✚ Trình độ văn hóa:	12/12
✚ Trình độ chuyên môn:	Đại học Ngân hàng
✚ Quá trình công tác:	
-	1988 – T10/1989: Nhân viên Kế toán HTX Mua bán Thủ Thiêm.
-	T11/1988 – T9/1992: Kế toán tín dụng HTX TD An Đông.
-	T10/1992 – T12/1992: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng CN An Đông – Ngân hàng Nam Á.
-	T01/1993 – T8/1994: Công tác tại Phòng hành chính Ngân hàng Nam Á.
-	T9/1994 – T2/1997 : Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở Ngân hàng Nam Á.

- T2/1997 – T12/1997: Thư ký Văn phòng HĐQT Ngân hàng Nam Á
- T1/1998 – T10/1998: Kiểm soát viên phòng Kiểm soát nội bộ Ngân hàng Nam Á.
- T11/1998 – T2/2002: Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở Ngân hàng Nam Á.
- T03/2002 – T12/2003: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á.
- T12/2003 – T11/2004: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc CN Ngã bảy -Ngân hàng Nam Á.
- T11/2004 – T03/2005: Giám đốc CN Tân Định - Ngân hàng Nam Á.
- T03/2005 – T07/2005: Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở Ngân hàng Nam Á.
- T07/2005 – T10/2005: Phó chuyên trách nhóm”Nghiệp vụ của Dự án TIFA”- Ngân hàng Nam Á.
- T10/2005 – T03/2006: Trưởng phòng kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở Ngân hàng Nam Á.
- T03/2006 – T05/2006: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á.
- T05/2006 – T03/2008: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và Điều hòa vốn Ngân hàng Nam Á.
- T03/2008 – T04/2008: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh và Điều hòa vốn kiêm Giám đốc Khối Vận Hành Ngân hàng Nam Á.
- T04/2008 – đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận Hành- Ngân hàng Nam Á.

🚩 Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng: Phó Tổng Giám đốc

🚩 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

🚩 Số cổ phần nắm giữ: 49.463 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 49.463 cổ phần

- Đại diện sở hữu cổ phần nhà nước: 0 cổ phần

🚩 Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

🚩 Hành vi vi phạm pháp luật: Không

✚	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng:	Không	
✚	Các khoản nợ với Ngân hàng:	Không	
3)	<b>Ông NGUYỄN DANH THIẾT</b>	- <b>Phó Tổng Giám đốc</b>	
✚	Họ và tên:	<b>Nguyễn Danh Thiết</b>	
✚	Giới tính:	Nam	
✚	Sinh ngày:	27/07/1973	
✚	Nơi sinh:	Hà Tây	
✚	Quốc tịch:	Việt Nam	
✚	Số CMND:	024302485	Cấp ngày: 01/10/2004
	Tại: CA TP.HCM		
✚	Dân tộc:	Kinh	
✚	Quê quán:	Hà Tây	
✚	Địa chỉ thường trú:	594/17 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, TP. HCM.	
✚	Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	(08) 38 213 593	
✚	Trình độ văn hóa:	12/12	
✚	Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - ngành Quản trị kinh doanh	
✚	Quá trình công tác:		
	-	1996 – 1997: Phụ trách kinh doanh xuất nhập thủy hải sản tại Công ty Thương mại Việt Thành và Văn phòng đại diện S.I.2A Group (Pháp) Việt Nam.	
	-	1997 – 1998: Cán bộ tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lâm Đồng.	
	-	1998 – 2000: Phụ trách kinh doanh xuất nhập thủy hải sản tại Công ty Thương mại Việt Thành và Văn phòng đại diện S.I.2A Group (Pháp) Việt Nam.	
	-	2000 – T5/2003: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM.	
	-	T5/2003 – đến nay: Cán bộ NHTM CP Nam Á: Chức vụ đã kinh qua bao gồm: Chuyên viên phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng	

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**

Tin dụng Hội sở, Giám đốc Khối, Phó Tổng Giám đốc.

- ✚ Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng: Phó Tổng Giám đốc
  - ✚ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - ✚ Số cổ phần nắm giữ: 26.312 cổ phần
  - ✚ Trong đó:
    - Sở hữu cá nhân: 26.312 cổ phần
    - Đại diện sở hữu cổ phần nhà nước: 0 cổ phần
  - ✚ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
  - ✚ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - ✚ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng: Không
  - ✚ Các khoản nợ với Ngân hàng: Không
- 4) **Ông TRẦN NGỌC TÂM** - **Phó Tổng Giám đốc**
- ✚ Họ và tên: **Trần Ngọc Tâm**
  - ✚ Giới tính: Nam
  - ✚ Sinh ngày: 07/12/1973
  - ✚ Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
  - ✚ Quốc tịch: Việt Nam
  - ✚ Số CMND: 022739144 Cấp ngày: 28/02/2007  
Tại: CA TP. HCM
  - ✚ Dân tộc: Kinh
  - ✚ Quê quán: Nam Định
  - ✚ Địa chỉ thường trú: 104/5 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM.
  - ✚ Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: (08) 38 213 683
  - ✚ Trình độ văn hóa: 12/12
  - ✚ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - ngành Ngân hàng
  - ✚ Quá trình công tác:

- T10/1995 – T8/1998: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Đại Nam.
- T10/1998 – T4/2003: Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Phương Nam.
- T04/2003 – T02/2004: Cán bộ tín dụng Ngân hàng Nam Á.
- T02/2004 – T05/2006: Giám đốc CN Quang Trung – Ngân hàng Nam Á.
- T05/2006 – T02/2008: Giám đốc CN Quang Trung kiêm Giám đốc Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Nam Á.
- T02/2008 – T03/2008: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Nam Á.
- T03/2008 – T12/2008: Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Kinh doanh II kiêm Giám đốc Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Nam Á.
- T12/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Kinh doanh II kiêm Giám đốc Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản kiêm Trưởng phòng Nguồn vốn – Ngân hàng Nam Á.

🚩 Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng: Phó Tổng Giám đốc

🚩 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

🚩 Số cổ phần nắm giữ: 53.996 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 53.996 cổ phần
- Đại diện sở hữu cổ phần nhà nước: 0 cổ phần

🚩 Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

🚩 Hành vi vi phạm pháp luật: Không

🚩 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích với Ngân hàng: Không

🚩 Các khoản nợ với Ngân hàng: Không

5) **Ông NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG** - **Phó Tổng Giám đốc**

🚩 Họ và tên: **Nguyễn Bình Phương**

🚩 Giới tính: Nam

🚩 Ngày, tháng, năm sinh: 12/04/1980

🚩 Nơi sinh: Quảng Ngãi

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



🚩 Quốc tịch:	Việt Nam	
🚩 Số CMTND/Hộ chiếu:	212 093 745	Cấp ngày: 02/01/1997
	Nơi cấp: CA Quảng Ngãi	
🚩 Dân tộc:	Kinh	
🚩 Quê quán:	Quảng Ngãi	
🚩 Địa chỉ thường trú:	011 Lô C Chung cư 43 Hồ Văn Huê, Q.Phú Nhuận, TP.HCM	
🚩 Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	(08) 38 213 683	
🚩 Trình độ văn hoá:	12/12	
🚩 Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành tài chính ngân hàng và quản lý hệ thống công nghệ thông tin.	
🚩 Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ 9/1998 – 2/2003 : Đại học Ngoại Thương TPHCM, chuyên ngành Ngoại Thương.</li><li>- Từ 3/2005 – 3/2006: Đại học khoa học ứng dụng Hannover - Germany, thạc sỹ quản trị kinh doanh chuyên ngành quản lý ngân hàng, bảo hiểm, quỹ đầu tư.</li><li>- Từ 3/2005 – 9/2006 : Đại học khoa học ứng dụng Hannover- Germany, thạc sỹ quản trị kinh doanh chuyên ngành quản lý hệ thống CNTT</li><li>- Từ 9/2006 – 5/2009 : Ngân hàng TMCP HDBank với các vị trí: Trợ Lý Tổng Giám Đốc, Giám Đốc dự án hiện đại hóa ngân hàng, Giám Đốc Công Nghệ Thông Tin.</li><li>- Từ năm 6/2009 – 10/2009 : Ngân hàng Vietbank, Giám Đốc Khách Hàng Doanh Nghiệp.</li></ul>	
🚩 Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Nam Á	
🚩 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không	
🚩 Số cổ phần nắm giữ:	0	
	Trong đó:	
	- Sở hữu cá nhân:	0
	- Đại diện sở hữu phần vốn tổ chức khác:	0
🚩 Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:	0	
🚩 Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



☒	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng:	Không	
☒	Các khoản nợ với Ngân hàng:	Không	
6)	<b>Ông NGUYỄN VĂN HIỂN</b>	- <b>Phó Tổng Giám đốc</b>	
☒	Họ và tên:	<b>Nguyễn Văn Hiến</b>	
☒	Giới tính:	Nam	
☒	Ngày, tháng, năm sinh:	08/10/1963	
☒	Nơi sinh:	Vĩnh Lâm – Vĩnh Linh – Quảng Trị	
☒	Quốc tịch:	Việt Nam	
☒	Số CMTND/Hộ chiếu:	024 636 163	Cấp ngày: 10/10/2006
	Nơi cấp: CA TP.HCM		
☒	Dân tộc:	Kinh	
☒	Quê quán:	Quảng Trị	
☒	Địa chỉ thường trú:	257/10A KP2, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM	
☒	Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	(08) 38 213 683	
☒	Trình độ văn hoá:	12/12	
☒	Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngành Ngân hàng	
☒	Quá trình công tác:		
	-	Từ 06/1983 – 03/1993: Cán bộ tín dụng, cán bộ kế hoạch tổng hợp tại Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Công thương Bạc Liêu.	
	-	Từ 04/1993 – 12/1996: Kiểm soát viên – Phụ trách phòng Kiểm soát- Cán bộ kinh doanh đối ngoại – Cán bộ tín dụng Ngân hàng Công thương Minh Hải.	
	-	Từ 01/1997 – 09/1997: Cán bộ kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng Công thương Bạc Liêu.	
	-	Từ 02/1998 – 01/2004: Cán bộ phòng Kế hoạch và Phát triển Mạng lưới, Phó phòng Phụ trách Phòng Kế hoạch và Phát triển mạng lưới, Phó Chánh Văn phòng Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long.	
	-	Từ 01/2004 – 03/2007: Trưởng phòng Kế hoạch và quản trị vốn, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn.	

- Từ 06/2008 – 02/2009: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại Tín
- Từ 14/08/2009: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á

✚ Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Nam Á.
✚ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
✚ Số cổ phần nắm giữ:	0
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân:	0
- Đại diện sở hữu phần vốn tổ chức khác:	0
✚ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:	0
✚ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
✚ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng:	Không
✚ Các khoản nợ với Ngân hàng:	Không

### 13.3 Ban kiểm soát

#### 1. Ông NGUYỄN VĂN DẬU

– Trưởng Ban kiểm soát

✚ Họ và tên:	<b>Nguyễn Văn Dậu</b>
✚ Giới tính:	Nam
✚ Sinh ngày:	15/01/1936
✚ Nơi sinh:	Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
✚ Quốc tịch:	Việt Nam
✚ Số CMND:	020041786
Tại: CA TP. HCM	Cấp ngày: 22/06/2009
✚ Dân tộc:	Kinh
✚ Quê quán:	Bình Thuận
✚ Địa chỉ thường trú:	115/8 Phạm Đình Hổ, Phường 6, Quận 6, TP. HCM.
✚ Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	(08) 38251658 - 108





**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



✚	Họ và tên:	<b>Triệu Kim Cân</b>	
✚	Giới tính:	Nữ	
✚	Sinh ngày:	05/09/1956	
✚	Nơi sinh:	Campuchia	
✚	Quốc tịch:	Việt Nam	
✚	Số CMND:	023181101	Cấp ngày: 06/06/2009
	Tại: CA TP. HCM		
✚	Dân tộc:	Kinh	
✚	Quê quán:	Soài Riêng - Campuchia	
✚	Địa chỉ thường trú:	201/115 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh	
✚	Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	(08) 38251658 - 108	
✚	Trình độ văn hóa:	Tốt nghiệp tú tài II	
✚	Trình độ chuyên môn:	Đại học chuyên tu Ngân hàng khóa 5	
✚	Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"><li>- 1975 - 1978: Nhân viên Phòng tổ chức CB Ngân hàng NN tỉnh Tây Ninh.</li><li>- 1978 - 1981: Đại học chuyên tu Ngân hàng khóa 5 tại TP. HCM.</li><li>- 1981 - 1986: Nhân viên phòng tiền tệ Ngân hàng NN tỉnh Tây Ninh.</li><li>- 1986 - 1989: Nhân viên kế toán phòng tài vụ Công ty Cung Ứng Vật tư, thuộc Liên Hiệp các Xí nghiệp xây dựng thủy lợi 4.</li><li>- 1989 - 2000: Nhân viên kế toán phòng tổ chức hành chính Công ty xây dựng 48, thuộc Tổng công ty xây dựng thủy lợi 4.</li><li>- 2000 – 2003: Xin nghỉ về bán thuốc tây tại CB 16 Nguyễn Hồng Đào, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. HCM.</li><li>- 2003 đến nay: Kiểm soát viên Ngân hàng TMCP Nam Á</li></ul>	
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng:	Thành viên Ban kiểm soát	
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không	
✚	Số cổ phần nắm giữ:	26.756 cổ phần	



- 1991 - 2000: Làm việc tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.
- 2000 - 2004: Làm việc tại Ngân hàng TMCP Tân Việt.
- 2004 - 09/07/2007: Làm việc tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Nam Á
- Từ 10/07/2007 đến nay: Kiểm soát viên Ngân hàng Nam Á.

✚ Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng:	Thành viên Ban kiểm soát
✚ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
✚ Số cổ phần nắm giữ:	23.906 cổ phần
Trong đó:	
- Sở hữu cá nhân:	23.906 cổ phần
- Đại diện sở hữu cổ phần của tổ chức khác:	0 cổ phần
✚ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:	Không
✚ Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
✚ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng:	Không
✚ Các khoản nợ với Ngân hàng:	Không

#### **13.4 Quyền Kế toán trưởng**

**Bà PHẠM THỊ THU HỒNG**

***Quyền Kế toán trưởng***

✚ Họ và tên:	<b>Phạm Thị Thu Hồng</b>
✚ Giới tính:	Nữ
✚ Sinh ngày:	02/09/1949
✚ Nơi sinh:	TP. HCM
✚ Quốc tịch:	Việt Nam
✚ Số CMND:	020041864
Tại: CA TP. HCM	Cấp ngày: 22/06/1999
✚ Dân tộc:	Kinh
✚ Quê quán:	Tỉnh Sóc Trăng
✚ Địa chỉ thường trú:	423 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. HCM

✚	Số điện thoại liên lạc tại cơ quan:	08. 38299408 – 111/107
✚	Trình độ văn hóa:	12/12
✚	Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
✚	Quá trình công tác:	
	- 1970 - 1975: Nhân viên kế toán Tín Nghĩa Ngân hàng	
	- 05/1975 - 1979: Nhân viên Ban thanh lý NHNN	
	- 1980 - 2004: Công tác tại Ngân hàng Công Thương CN3	
	- 10/2004 – 04/2006: Phó phòng Kế toán Ngân hàng Nam Á.	
	- 04/2006 – 14/12/2007: Quyền Kế toán trưởng Ngân hàng Nam Á kiêm Phó Trưởng Phòng Kế toán NH Nam Á	
	- 15/12/2007- 06/4/2009: Phó Trưởng Phòng Kế toán Ngân hàng Nam Á	
	- 07/4/2009 đến nay: Quyền Kế toán trưởng Ngân hàng Nam Á kiêm Phó Trưởng Phòng Kế toán NH Nam Á	
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại Ngân hàng:	Quyền Kế toán trưởng
✚	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không
✚	Số cổ phần nắm giữ:	20.349 cổ phần
	Trong đó:	
	- Sở hữu cá nhân: 20.349 cổ phần	
	- Đại diện sở hữu cổ phần tổ chức khác: 0 cổ phần	
✚	Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 6.991 cổ phần	
	Trong đó:	
	- Họ và tên: Nguyễn Hồng Anh	Quan hệ: con
	- Số cổ phần nắm giữ:	6.991 cổ phần
✚	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
✚	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Ngân hàng:	Không

#### 14. Tài sản

##### **Bảng 31. Tài sản cố định của NAB trong năm 2007, 2008, Năm 2009 (Ngân hàng mẹ)**

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Loại tài sản	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>34.115</b>	<b>43.737</b>	<b>42.253</b>
1	Nguyên giá TSCĐ	53.798	72.326	78.318
2	Hao mòn TSCĐ	(19.683)	(28.588)	(36.065)
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>44.086</b>	<b>374.156</b>	<b>385.296</b>
1	Nguyên giá TSCĐ	44.851	375.862	387.973
2	Hao mòn TSCĐ	(765)	(1.076)	(2.677)
<b>Tổng cộng</b>		<b>78.202</b>	<b>417.894</b>	<b>427.548</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán Ngân hàng mẹ năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Bảng 32. Tài sản cố định của NAB trong năm 2007, 2008 và năm 2009 (hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Loại tài sản	31/12/2007	31/12/2008	31/12/2009
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>34.235</b>	<b>43.817</b>	<b>42.291</b>
1	Nguyên giá TSCĐ	53.948	72.476	78.468
2	Hao mòn TSCĐ	(19.713)	(28.659)	(36.177)
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>44.086</b>	<b>374.156</b>	<b>385.296</b>
1	Nguyên giá TSCĐ	44.851	375.862	387.973
2	Hao mòn TSCĐ	(765)	(1.076)	(2.677)
<b>Tổng cộng</b>		<b>78.321</b>	<b>417.973</b>	<b>427.587</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2007, 2008 và năm 2009)

**Bảng 33. Danh mục Bất động sản thuộc quyền sở hữu của NAB tại thời điểm 31/12/2009**

Đơn vị: Đồng

Stt	Đơn vị	Nội dung	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích nhà (m <sup>2</sup> )	Nguyên giá	Số khấu hao	Giá trị còn lại
1	HỘI SỞ	Đất tại Bến Lức Long An	896,20	-	4.189.069.777	-	4.189.069.777
		Nhà 97 Bis Hàm	267,46				

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG**



Stt	Đơn vị	Nội dung	Diện	Diện	Nguyên giá	Số khấu hao	Giá trị còn lại
		Nghi		791,90	23.766.738.775	794.004.558	23.032.839.232
		Đất 201-203 CMT8 Q3	2.100,60	-	253.943.197.837	-	253.943.197.837
2	TÂN ĐÌNH	Nhà 190 Bis Trần Quang Khải Q1	129,54	235,56	1.465.552.000	713.236.527	762.085.819
3	AN ĐÔNG	Nhà 11 An Dương Vương	70,00	340,00	1.922.972.000	1.339.188.540	603.013.181
4	PGD.HÒA BÌNH	BDS 726 Trần Hưng Đạo, P2 Q5	62,30	233,60	11.482.464.854	53.523.940	11.436.969.505
5	THỊ NGHÈ	Nhà 36 A XVNT P19 QBT	126,20	431,67	3.338.622.310	1.865.072.330	1.492.202.510
6	BÌNH TÂY	Nhà số 2 Lê Quang Sung p2 Q6	52,40	302,00	1.948.349.862	1.367.031.406	600.801.953
7	QUANG TRUNG	Nhà 93 Quang Trung P10 QGV	190,35	456,21	4.849.245.503	1.115.326.419	3.782.411.537
		Nhà 63/F26 Quang Trung P10 QGV	22,80	68,40	555.500.000	127.764.954	433.290.044
	NHA TRANG	Nhà 41 NTMK NTrang	553,00	-	69.233.263.449	221.066.649	69.023.250.132
8	PGD.VẠN NINH	Nhà 60 Hùng Vương, Vạn Ninh, Khanh Hoa	197	-	634.533.000	-	634.533.000
9	PGD.BINH TÂN	Nhà A1-06 CC312 DA	74,74	68,02	1.381.762.727	16.168.080	1.367.211.455
10	PGD.NINH HÒA	Nhà số 10 Nguyễn Huệ N.Hòa	186,20	135,20	2.026.620.696	9.571.012	2.024.227.943
11	PGD.CẦU DỪA	Thửa đất 362 xã Vĩnh Thạnh	423,00	131,90	3.643.401.000	27.427.630	3.620.813.540
12	TRƯỜNG CHINH	Nhà 191A Trường Chinh Q12	73,90	151,60	4.058.404.733	229.976.272	3.869.012.509
13	BÌNH PHƯỚC	Đất Bình Phước	1.964,40	-	4.510.412.000	-	4.510.412.000
14	CN ĐÀ NẴNG	Nhà 67 Nguyễn Văn Linh Đà Nẵng	255,70	255,70	12.695.799.347	677.346.700	12.099.734.251
<b>TỔNG:</b>			<b>7.645,79</b>	<b>3.601,76</b>	<b>405.645.909.870</b>	<b>8.556.705.017</b>	<b>397.425.076.225</b>

(Nguồn: NAB)

**15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

**Bảng 34. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn tới**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2010		2011	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2009	Giá trị	% tăng/giảm so với 2010

Chỉ tiêu	2010		2011	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2009	Giá trị	% tăng/giảm so với 2010
Vốn điều lệ	3.000.000	139,46%	3.800.000	27%
Tổng nguồn vốn huy động	12.500.000	32,36%	22.000.000	76%
Dư nợ cho vay	6.300.000	25,68%	11.000.000	75%
Thu nhập hoạt động	1.450.000	90,90%	2.640.000	82%
Lợi nhuận sau thuế	210.000	288,95%	500.000	138%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Thu nhập hoạt động (%)	14,48%	103,74%	18,9%	4,5%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	6,44%	59,19%	13,0%	6,6%
Tỷ lệ cổ tức (%)	10,00%	185,71%	15%	5,0%

(Nguồn: NAB)

**Cần cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Để đạt được kế hoạch đã đề ra, NAB đã từng bước triển khai, xây dựng các chương trình hành động cụ thể, chi tiết như sau:

*Phát triển mạng lưới giao dịch*

Trong năm 2009, NAB có kế hoạch thành lập mới 01 Sở Giao dịch, 08 Chi nhánh và 10 Phòng giao dịch tại những nơi có nhiều khách hàng, nâng tổng số điểm giao dịch của Ngân hàng lên 68 điểm. Việc mở rộng chi nhánh, Phòng giao dịch sẽ tạo điều kiện cho NAB tiếp cận với số lượng khách hàng trong phạm vi rộng khắp. Qua đó, công tác huy động vốn và cấp tín dụng cũng như các dịch vụ khác của Ngân hàng được triển khai sâu rộng hơn.

*Tăng trưởng doanh thu từ nghiệp vụ huy động – cho vay*

- Tập trung tăng trưởng quy mô hoạt động bằng cách giao kế hoạch kinh doanh cụ thể cho từng chi nhánh, phòng giao dịch; trong đó, phòng giao dịch phải đạt mức quy mô hoạt động theo kế hoạch Ban Tổng Giám đốc đặt ra;
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng; thực hiện các biện pháp cứng rắn để đốc thúc thu hồi kết hợp với việc xử lý tài sản đảm bảo của các khoản nợ xấu khi cần thiết để đảm bảo nguồn thu gốc, lãi cho Ngân hàng;



- Thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khách hàng gặp khó khăn tạm thời trong việc thanh toán gốc, lãi;
- Đẩy mạnh hoạt động tín dụng, đặc biệt là gia tăng tỷ trọng (*tối thiểu 30%*) của các khoản vay thuộc đối tượng áp dụng lãi suất thỏa thuận trong tổng dư nợ để đảm bảo mức chênh lệch lãi suất bình quân đầu vào – đầu ra tối thiểu đạt 4%/ năm.

*Tăng trưởng doanh thu từ mảng dịch vụ*

- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh ngoại hối, tập trung đầu tư triển khai các nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối phái sinh như kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn;
- Thành lập mới phòng Kinh doanh vàng, tiến đến triển khai chính thức nghiệp vụ tự doanh vàng, tham gia một số sàn giao dịch vàng trong nước;
- Thực hiện việc bán kèm các sản phẩm dịch vụ khi cấp tín dụng cho khách hàng. Đưa nội dung sử dụng dịch vụ của Ngân hàng trở thành một điều kiện bắt buộc khi thiết lập quan hệ tín dụng với khách hàng.

*Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng*

NAB đã chú trọng phát triển công nghệ ngân hàng, toàn bộ các mảng hoạt động đều được chuẩn hóa trên cơ sở các chuẩn mực quốc tế trong qua việc triển khai thành công hệ thống quản trị ngân hàng cốt lõi (core banking).

*Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu*

Trong giai đoạn tới, NAB sẽ tập trung mọi nguồn lực để tạo cầu nối gắn kết hình ảnh thương hiệu NAB với cộng đồng thông qua các hoạt động tài trợ, quảng cáo,... mang tính liên tục, hệ thống và chuyên nghiệp.

- Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu Ngân hàng Nam Á;
- Thực hiện chương trình quảng cáo và đưa tin về các sản phẩm mới của Ngân hàng hoặc tăng lãi suất tiền gửi;
- Thực hiện tài trợ cho một chương trình truyền hình lớn xuyên suốt trong suốt năm 2009;
- Đầu tư thiết kế lại website của NAB theo hướng chuyên nghiệp, hình thức đẹp để thu hút người truy cập, liên tục cập nhật thông tin về tài chính – ngân hàng của Việt Nam và thế giới;
- Theo dõi cập nhật thông tin, chỉnh sửa nội dung brochure và các ấn phẩm quảng cáo của Ngân hàng cho phù điều kiện thực tế;

- Tăng cường cả số lượng và chất lượng cho đội ngũ cán bộ Marketing. Đổi mới phương pháp tiếp cận khách hàng từ chủ động sang bị động nhằm kích thích và định hướng nhu cầu của khách hàng về các sản phẩm và dịch vụ của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, nguồn nhân lực sẽ được chú trọng đầu tư và phát triển phù hợp với quy mô và tổ chức của Ngân hàng.

*Phát triển khách hàng*

- Xây dựng chính sách cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp;
- Tiến tới giao dịch một cửa trong toàn hệ thống để đổi mới phong cách phục vụ hướng đến khách hàng;
- Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, mở đường dây nóng phục vụ khách hàng.

**16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long - KLS đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Á cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh của ngành ngân hàng. Dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2007, 2008 năm 2009; căn cứ năng lực của NAB cũng như mức tăng trưởng dự kiến của ngành và của nền kinh tế Việt Nam thời gian tới, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long nhận thấy kế hoạch kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức của NAB trong giai đoạn 2010 – 2011 có tính khả thi nếu không có những biến động lớn hay rủi ro bất khả kháng ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Ngân hàng.

*Trên đây là các đánh giá của chúng tôi về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty. Chúng tôi xin lưu ý rằng những ý kiến nhận xét của chúng tôi đưa ra là dựa trên các thông tin mà chúng tôi thu thập được tại thời điểm lập bản cáo bạch cũng như tổng hợp và phân tích các thông tin này dựa trên các lý thuyết tài chính chứng khoán. Đây chỉ là những nhận xét chỉ mang tính chất tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo đối với các nhà đầu tư cũng như những đối tượng có liên quan.*

**17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất, v.v...):**

- Không có

**18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:**

- Không có

**PHẦN V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**

**1. Loại cổ phiếu:**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá:**

10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

**3. Tổng số cổ phiếu chào bán: 74.716.338 (Bảy mươi bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, ba trăm ba mươi tám) cổ phần.**

**4. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu**

**5. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần;**

**6. Phương pháp tính giá**

Dựa trên giá trị sổ sách trên 01 cổ phần của Ngân hàng.

Theo phương pháp giá trị sổ sách:

**✚ Tại thời điểm 31/12/2008**

▪ **Theo BCTC của Ngân hàng mẹ**

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

(mệnh giá 10.000 đồng/cp) Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

1.289.369 tr.đồng – 26.485tr.đồng

= ----- = 10.080 đồng/cổ phần

125.283.662 cổ phần

▪ **Theo BCTC hợp nhất của NAB**

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

(mệnh giá 10.000 đồng/cp) Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

1.289.183 tr.đồng – 26.485 tr.đồng

= ----- = 10.079 đồng/cổ phần

125.283.662 cổ phần

**Tại thời điểm 31/12/2009**

▪ **Theo BCTC của Ngân hàng mẹ**

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

(mệnh giá 10.000 đồng/cp) Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

1.334.596 tr.đồng – 27.732 tr.đồng

= ----- = 10.431 đồng/cổ phần

125.283.662 cổ phần

▪ **Theo BCTC hợp nhất của NAB**

Nguồn Vốn chủ sở hữu – nguồn kinh phí và các quỹ khác

Giá trị sổ sách 1 CP = -----

(mệnh giá 10.000 đồng/cp) Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ

1.336.679 tr.đồng – 27.732 tr.đồng

= ----- = 10.488 đồng/cổ phần

125.283.662 cổ phần

7. **Phương thức phân phối:** Theo phương thức thực hiện quyền

8. **Nguyên tắc thực hiện đợt chào bán:**

8.1. Cổ phiếu chào bán thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền:

- Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do UBCK NN cấp, HĐQT Ngân hàng sẽ tiến hành chốt danh sách cổ đông để thực hiện chào bán thêm cổ phiếu. Các cổ

đồng hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu cuối cùng tại thời điểm chốt danh sách sẽ được phân bổ quyền mua cổ phần theo tỷ lệ phân bổ quyền 100:59,6377 (*nghĩa là: mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được phân bổ 01 quyền mua, 100 quyền mua được mua thêm 59,6377 cổ phiếu*);

- Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị;
- Số cổ phần không được cổ đông hiện hữu đặt mua hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (*nếu có*) sẽ được HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác với mức giá và điều kiện chào bán phù hợp, nhưng không thấp hơn giá cổ phần đã bán cho cổ đông hiện hữu tại thời điểm chào bán.

### 8.2. Xử lý số cổ phần không được đặt mua hết khi kết thúc đợt chào bán (*nếu có*)

- Sau khi kết thúc đợt chào bán mà số lượng cổ phần không được chào bán hết, HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các đối tượng khác theo mức giá và điều kiện phù hợp, đồng thời xin phép UBCK NN cho gia hạn thời gian chào bán nếu thấy cần thiết;
- Trong trường hợp kết thúc thời gian gia hạn chào bán mà số cổ phần vẫn không được chào bán hết thì số cổ phần còn lại được coi như chưa phát hành và tổng số cổ phần chào bán của đợt này sẽ được tính giảm theo số lượng tương ứng.

### 8.3. Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phần

Thời gian nộp tiền mua cổ phần đối với cổ đông hiện hữu sẽ được NAB thông báo cụ thể sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán của UBCKNN. Trong trường hợp các đối tượng được mua không thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phần theo quy định thì xem như đã bỏ quyền mua đối với số cổ phần tương ứng được mua của đợt đó. Hội đồng quản trị có toàn quyền xử lý số cổ phần bị bỏ quyền này theo quy định của pháp luật và sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

## 9. Lịch trình các bước thực hiện

Cổ phiếu chào bán sẽ được phân phối cho các đối tượng chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng nhận được Giấy chứng nhận phép chào bán do UBCK NN cấp. Lịch trình cụ thể như sau:

**Bảng 35. Lịch trình thực hiện phân phối cổ phiếu**

STT	CÔNG VIỆC	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Nhận Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán từ UBCK NN	D
2	Công bố thông tin trên báo chí về đợt chào bán	D đến D +2

STT	CÔNG VIỆC	THỜI GIAN THỰC HIỆN
	Thông báo ngày chốt danh sách ( <i>bằng hình thức văn bản</i> ) cho cổ đông hiện hữu	
3	Chốt danh sách phân bổ quyền mua cho các cổ đông hiện hữu	D+10
4	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D+11 đến D+30
5	Tổng hợp danh sách các cổ đông hiện hữu đặt mua cổ phần và xử lý cổ phiếu lẻ Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phần không chào bán hết Chuyển số tiền đặt mua cổ phần vào tài khoản Ngân hàng phong tỏa	D+31
6	Xử lý số cổ phần không chào bán hết, số cổ phiếu lẻ và số cổ phần không được thực hiện quyền phát sinh từ cổ phiếu quỹ ( <i>nếu có</i> )	D+32 đến D+35
7	Báo cáo kết quả đợt phát hành cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước	D + 45
8	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông hiện hữu	D+35 đến D+65

(*Chú thích: D là ngày làm việc dự kiến*)

#### **10. Phương thức thực hiện quyền:**

Các cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua sẽ tiến hành đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần theo tỷ lệ được mua đã quy định và trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua cổ phần có hiệu lực.

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình cho người khác và chỉ được chuyển nhượng một lần (*không được chuyển nhượng cho người thứ ba*). Người sở hữu quyền mua trực tiếp tìm đối tác và thỏa thuận mức giá chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện trong vòng 17 ngày làm việc kể từ ngày quyền mua có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

#### **11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**

Theo Nghị định 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Việt Nam, nguyên tắc sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài được quy định như sau:

- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (*bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu*) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá

30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam;

- Mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài không phải là tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 5% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam;
- Mức sở hữu cổ phần của một tổ chức tín dụng nước ngoài và người có liên quan của tổ chức tín dụng nước ngoài đó không vượt quá 10% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam;
- Mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó không vượt quá 15% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam;
- Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ căn cứ đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quyết định mức sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đó vượt quá 15%, nhưng không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

Tính đến ngày 31/12/2009, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại NAB là 0%. Đợt chào bán lần này được chào bán cho cổ đông hiện hữu, do vậy không ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài.

**12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:**

Toàn bộ số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

**13. Các loại thuế liên quan:**

**Thuế giá trị gia tăng**

Phí và hoa hồng chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp khấu trừ, giao dịch kinh doanh ngoại tệ và vàng chịu thuế giá trị gia tăng là 10% theo phương pháp trực tiếp. Các nghiệp vụ ngân hàng khác không chịu thuế giá trị gia tăng.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với Ngân hàng là 25%.

**Các loại thuế khác**

Ngân hàng kê khai và nộp theo đúng qui định hiện hành của Nhà nước.

**14. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu**

Số hiệu tài khoản: **001.0040.00028** Mở tại: **Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa**

**PHẦN VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

**1. Tiên độ giải ngân đợt tăng vốn từ 575.924.740.000 đồng lên 1.252.836.620.000 đồng**





Trên cơ sở số tiền thực tế thu được từ đợt chào bán cổ phiếu, HĐQT NAB đã cân đối và giải ngân theo các mục đích sử dụng vốn đã được ĐHDCĐ thông qua, cụ thể như sau :

*Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	Dự án đầu tư của NAB	Số tiền đầu tư
1	Đầu tư, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật	236
2	Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại	30
3	Dự án thẻ Ngân hàng	4,63
4	Hoạt động đầu tư	93,60
5	Phát triển các sản phẩm tín dụng	312,68
<b>Tổng cộng</b>		<b>676,91</b>

Trong năm 2009 và 2010, theo kế hoạch phát triển của Ngân hàng, NAB tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin cùng các trang thiết bị và cơ sở vật chất làm việc, mở rộng mạng lưới chi nhánh, phát triển dịch vụ thẻ, hoạt động đầu tư và các sản phẩm tín dụng của Ngân hàng

**2. Mục đích tăng vốn điều lệ từ 1.252.836.620.000 đồng lên 2.000.000.000.000 đồng**

-  Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động ngân hàng như mua sắm, đầu tư tài sản cố định; cải tiến cơ sở vật chất; trang bị công nghệ ngân hàng; phát triển nguồn nhân lực.
-  Đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, đầu tư dự án và vào các tổ chức tín dụng khác dưới hình thức góp vốn đầu tư, liên doanh, mua bán cổ phần.
-  Đáp ứng điều kiện mở rộng mạng lưới hoạt động, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.
-  Tăng tỷ lệ đủ vốn và khả năng thanh khoản của Ngân hàng Nam Á nhằm đảm bảo các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN.



- Tăng quy mô vốn để mở rộng hoạt động kinh doanh như cho vay và kinh doanh các dịch vụ ngân hàng khác, đồng thời đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của NAB.

**PHẦN VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán: **747.163.380.000 (Bảy trăm bốn mươi bảy tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn) đồng**, dự kiến được phân bổ như sau:

- Đầu tư, mua sắm tài sản cố định, xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật: khoảng 50 %, tương đương 373,6 tỷ đồng;
- Hoạt động đầu tư thương mại, đầu tư tài chính: khoảng 40%, tương đương 298,9 tỷ đồng;
- Phát triển các sản phẩm tín dụng: khoảng 10%, tương đương 74,7 tỷ đồng.

**PHẦN VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN**

**1. Tổ chức tư vấn**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS**

**Trụ sở chính:** 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội Website: [www.kls.vn](http://www.kls.vn)

Điện thoại: (84.4) 772 6868 Fax: (84.4) 772 6131

**Chi nhánh Tp, Hồ Chí Minh:** Tầng 2, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84.8) 3823 3923 Fax: (84.8) 3827 7380

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 18/UBCK - GPHĐKD ngày 06/10/2006 do UBCKNN cấp, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bổ sung số 281/QĐ - UBCK ngày 27/04/2007 do UBCKNN cấp.

**2. Tổ chức kiểm toán:**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)**

229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM Website: [www.auditconsult.com.vn](http://www.auditconsult.com.vn)

Điện thoại: (84-8) 3827 2295 Fax: (84-8) 3827 2300

**PHẦN IX. PHỤ LỤC**

1. Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng;
2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
3. Bản sao hợp lệ Điều lệ Ngân hàng;
4. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 17 ngày 21/01/2009;
5. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 08 ngày ....../.../2010;
6. Nghị quyết HĐQT số 536/NQQT-NHNA ngày 09 tháng 11 năm 2009 thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và thông qua hồ sơ chào bán;
7. Báo cáo tiến độ giải ngân vốn của đợt chào bán tăng vốn điều lệ từ 575,9 tỷ đồng lên 1.252,8 tỷ đồng trong năm 2008;
8. Bản giải trình các khoản mục ngoại trừ trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008;
9. Công văn chấp thuận tăng vốn của Ngân hàng Nhà nước;
10. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, 2009 (*Ngân hàng mẹ và Hợp nhất*);
11. Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BTGD, BKS và quyền KTT;
12. Bản sao hợp lệ của Hợp đồng tư vấn chào bán;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2010

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN QUỐC MỸ

TỔNG GIÁM ĐỐC

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN ANH TUẤN

PHẠM THỊ THU HỒNG